**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH**

**TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY**



**NHỮNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM TRONG MÔN HỌC GDQP&AN KHỐI**

**LỚP 12**

*“Tài liệu được biên soạn theo thông tư 46; theo sách giáo khoa GDQP&AN lớp 12, Bộ cánh diều, nhà xuất bản Đại học sư phạm 2024; được thông qua tổ chuyên môn 08/2024”*

**Nhóm CM: Quốc Phòng-An Ninh**

**Năm học 2024-2025**

**TP.HCM 8/20**

BÀI 1: BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA SAU NĂM 1975

## I. CHIẾN TRANH BẢO VỆ BIÊN GIỚI TÂY NAM

## 1. Khái lược về cuộc chiến tranh.

Sau khi nắm quyền lãnh đạo Cambodia (Cam-pu-chia), tập đoàn Pol Pot - Ieng Sary (Pôn Pốt – Iêng Xary) thực hiện cải tạo xã hội theo mô hình cực đoan, đẩy dân tộc Cam-pu-chia vào hoạ diệt chúng, đồng thời gây xung đột biên giới, đánh chiếm một số đảo, di dời một số mốc quốc giới của Việt Nam. Đảng, Nhà nước ta đề nghị giải quyết xung đột bằng đàm phán hoà bình nhưng tập đoàn Pôn Pốt Iêng Xary từ chối thiện chí của Việt Nam.

Ngày 30-4-1977, tập đoàn Pôn Pốt Iêng Xary phát động chiến tranh xâm lược Việt Nam, xâm phạm một số vùng lãnh thổ từ tỉnh Kiên Giang (Hà Tiên cũ) đến tỉnh Tây Ninh, đốt nhà, phá hoại hoa màu, tàn sát dã man đồng bào ta tuyên truyền, xuyên tạc hình ảnh Việt Nam, kích động tư tưởng hằn thù dân tộc; đàn áp lực lượng cách mạng và nhân dân yêu nước Cam-pu-chia.

Ta tổ chức phòng ngự, đánh địch lấn chiếm, bảo vệ địa bàn, đồng thời kiên trì giải quyết tranh chấp bằng đàm phán hoà bình. Tuy nhiên, tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xary tiếp tục khước từ và ráo riết chuẩn bị leo thang chiến tranh. Để giải phóng dân tộc Cam-pu-chia khỏi hoạ diệt chúng, ngày 02-12-1978, Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia được thành lập.

Ngày 23-12-1978, tập đoàn Pôn Pốt – Iêng Xary mở cuộc tiến công trên toàn tuyến biên giới Tây Nam nước ta. Quân và dân ta tổng phản công đẩy quân dịch ra khỏi biên giới. Đồng thời, đáp lời kêu gọi của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, Quân đội nhân dân Việt Nam cùng lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia tiến công, đánh đổ tập đoàn Pôn Pốt – Iêng Xary, giành chính quyền về tay nhân dân Cam-pu-chia. Ngày 07-01-1979, thủ đô Phnom Penh (Phnôm Pênh) được giải phóng.

## 2. Giá trị lịch sử.

- Thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam tiếp tục khẳng định tính đúng đắn, sáng suốt của đường lối tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương.

Chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ chính đáng của dân tộc Việt Nam chống chiến tranh xâm lược của tập đoàn Pôn Pốt Iêng Xary, góp phần bảo vệ hoà bình trong khu vực và trên thế giới.

- Thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam đã đập tan tư tưởng cực đoan, hiếu chiến của tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xary, giúp dân tộc Cam-pu-chia thoát khỏi hoạ diệt chủng, mở ra thời kì mới trong quan hệ hữu nghị Việt Nam-Cam-pu-chia.

- Thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam tiếp tục khẳng định ý chí, truyền thống của quân và dân ta trong đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

## 3. Một số nét chính về nghệ thuật quân sự.

Nhận thức, đánh giá đúng âm mưu, bản chất, thủ đoạn của đối tượng tác chiến: kịp thời phát động, tiến hành chiến tranh nhân dân tại chỗ rộng khắp.

Kết hợp phòng ngự, phản công, tiến công, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn tiêu diệt, tiêu hao sinh lực dịch, kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận

Tập trung lực lượng hợp lí, đủ mạnh trên các khu vực trọng điểm, nắm chắc thời cơ, chuyển hoá thế trận linh hoạt, kiên quyết, chủ động đánh địch ngay khi địch xâm phạm chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.

Kết hợp tạo sức mạnh tổng hợp giữa lực lượng vũ trang địa phương và bộ đội chủ lực Việt Nam đồng thời phối hợp chiến đấu với lực lượng vũ trang cách mạng và nhân dân yêu nước Cam-pu-chia

## II. CHIẾN TRANH BẢO VỆ BIÊN GIỚI PHÍA BẮC

## 1. Khái lược về cuộc chiến tranh.

Từ năm 1975 đến năm 1978, chính quyền Trung Quốc tăng cường các hoạt động quân sự, khiêu khích vũ trang. xâm lấn đất đai vùng biên giới phía Bắc Việt Nam.

Ngày 17-02-1979, chính quyền Trung Quốc phát động chiến tranh xâm lược quy mô lớn sang lãnh thổ Việt Nam; phối hợp bộ binh, xe tăng, xe bọc thép và pháo binh đánh chiếm một số thị xã, tàn phá cơ sở hạ tầng, bệnh viện, trường học,... gây nhiều tổn thất về người và tài sản ở một số khu vực các tỉnh dọc biên giới nước ta, từ Quảng Ninh đến Lai Châu.

Với thế trận chiến tranh nhân dân được chuẩn bị sẵn sàng, quân và dân ta đã kịp thời đánh trả quyết liệt, ngăn chặn quân địch tiến sâu vào nội địa, giữ vững địa bàn chiến lược, đánh bại ý đồ của địch. Ngày 05-3-1979, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố Lệnh Tổng động viên trong cả nước để bảo vệ Tổ quốc.

Bị tổn thất nặng nề và chịu sự lên ăn mạnh mẽ của dư luận tiến bộ trên thế giới cũng như trong nước, ngày 05-3-1979, chính quyền Trung Quốc tuyên bố rút quân khỏi lãnh thổ Việt Nam. Ta ngừng mọi hoạt động tiến công quân sự để đối phương rút toàn bộ lực lượng và phương tiện chiến tranh về nước. Đến ngày 18-3-1979, về cơ bản, Trung Quốc đã rút quân khỏi nước ta.

## 2. Giá trị lịch sử.

Thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc là thắng lợi của đường lối chính trị, quân sự đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương.

Chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc là cuộc chiến tranh tự vệ chính nghĩa bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc.

Chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc tiếp tục thể hiện truyền thống văn hoá nhân đạo, vì hoà bình, vì tình hữu nghị lâu đời của Việt Nam, Trung Quốc và các nước có chung đường biên giới với Việt Nam, vì sự ổn định của khu vực và trên thế giới.

Thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc viết tiếp trang sử hào hùng chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta, đồng thời để lại nhiều kinh nghiệm quý giá trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## 3. Một số nét chính về nghệ thuật quân sự.

Đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn của đối phương; chủ động chuẩn bị chiến trường, xây dựng thế trận, lãnh đạo, chỉ đạo và chỉ huy tác chiến, bảo đảm hậu cần, kĩ thuật, kết hợp kinh tế với quốc phòng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, động viên tinh thần và lực lượng cả nước ra tiền tuyến, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Quán triệt tư tưởng “lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều"; xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Phòng ngự kiên cường, kết hợp phản công, tiến công linh hoạt với nhiều hình thức chiến thuật, kết hợp đánh tiêu hao, tiêu diệt bẻ gãy các đợt tiến công của địch, kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao buộc địch phải rút quân.

## III. ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO CỦA TỔ QUỐC SAU NĂM 1975

## 1. Khái lược về cuộc đấu tranh.

Việt Nam có bờ biển dài khoảng 3 260 km, vùng biển rộng hơn 1 triệu km² và hơn 3.000 đảo, quần đảo, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Nước ta có đầy đủ bằng chứng lịch sử để chứng minh và khẳng định Việt Nam là nhà nước đầu tiên xác lập và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Tuy nhiên, trong những năm qua, trên Biển Đông diễn ra tranh chấp phức tạp. căng thẳng về chủ quyền lãnh thổ và ranh giới các vùng biển bị chồng lấn. Chính quyền Trung Quốc chiếm đóng trái phép nhóm đảo phía đông quần đảo Hoàng Sa (năm 1956) và sử dụng lực lượng quân sự đánh chiếm nhóm đảo phía Tây quần đảo này (năm 1974). Đối với quân đảo Trường Sa, có 5 nước 6 bên tuyên bố chủ quyền toàn bộ hoặc một phần quần đảo này, bao gồm: Việt Nam. Trung Quốc, Philippinnes (Phi-lip-pin), Malaysia (Ma-lai-xi-a). Brunei (Bru-nây), Đài Loan. Năm 1988, chính quyền Trung Quốc đã sử dụng lực lượng quân sự chiếm đóng trái phép một số bãi đã thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam (Đá Chữ Thập, Đá Châu Viên, Đá Ga Ven. Đá Tư Nghĩa, Đá Gạc Ma, Đá Su Bi)

Việt Nam kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, hợp tác để phát triển đất nước. Quân và dân ta đã chiến đấu ngoan cường, dũng cảm hi sinh, đặc biệt là trận chiến đấu ở Đá Gạc Ma để bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đồng thời, Việt Nam nhất quán giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên biển bằng biện pháp hoà bình, phù hợp với luật pháp quốc tế. Ta tích cực tuyên truyền, kêu gọi chấm dứt các hành vi vi phạm luật pháp quốc tế, ban hành Luật Biển Việt Nam (năm 2012) và áp dụng có hiệu quả Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 để giải quyết các tranh chấp về phân định vùng biển với các nước láng giềng: thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), tiến tới xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) giữa ASEAN và Trung Quốc.

## 2. Giá trị lịch sử.

Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo đóng góp giá trị lịch sử to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc sau năm 1975, đó là:

Tiếp tục khẳng định quan điểm, đường lối đúng đắn và bản lĩnh chính trị vững vàng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giải quyết bằng biện pháp hoà bình, không gây chiến tranh đối với các vấn đề quốc tế và khu vực liên quan đến đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia đối với vùng biển của Việt Nam, góp phần quan trọng trong việc giải quyết tranh chấp và đấu tranh bảo vệ tự do hàng hải, hàng không trên Biển Đông: giữ vững hoà bình, ổn định ở khu vực và trên thế giới,

Viết tiếp truyền thống yêu chuộng hoà bình, tôn trọng luật pháp quốc tế và trang sử hào hùng của dân tộc ta, đồng thời để lại nhiều kinh nghiệm quý giá trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

## 3. Một số nét chính về nghệ thuật đấu tranh.

Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc sau năm 1975 đã thể hiện nghệ thuật đấu tranh ở một số nét chính sau:

Chủ động dự báo, nắm chắc tình hình, tác động của đối phương, quán triệt tư tưởng chiến lược: kiên quyết, kiên trì, kiên định về nguyên tắc đồng thời vận dụng cách thức, phương pháp đấu tranh linh hoạt, sáng tạo, phù hợp trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nêu cao chính nghĩa, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, kết hợp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lí, quân sự (khi cần thiết) trong xử lí các tình huống và những vấn đề nảy sinh trên biển, đảo, kiên trì sử dụng biện pháp hoà bình để giải quyết tranh chấp, xung đột

Huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân: kết hợp lực lượng và thế trận an ninh trên biển, đảo, trong đó nòng cốt là lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam.

## IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN, HỌC SINH TRONG SỰ NGHIỆP CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH BẢO VỆ TỔ QUỐC

## 1. Trách nhiệm của công dân.

Nhận thức đầy đủ, sâu sắc quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh bảo vệ Tổ quốc.

Tự giác thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, xây dựng nền quốc phòng toàn dân; chấp hành quy định của pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

Tích cực, chủ động tham gia tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng. chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh.

Tự giác tìm hiểu và tham gia tuyên truyền về giá trị lịch sử, nghệ thuật quân sự Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong đó có chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong giai đoạn cách mạng mới.

Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc Bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sĩ....

## 2. Trách nhiệm của học sinh.

Thực hiện trách nhiệm của công dân đối với các nội dung phù hợp với lứa tuổi học sinh trong sự nghiệp xây dựng, củng cố quốc phòng và an ninh, sẵn sàng tham gia nghĩa vụ quân sự và tham gia Công an nhân dân để bảo vệ Tổ quốc.

Tham gia học tập nghiêm túc nội dung chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh ở trường phổ thông để nâng cao nhận thức các vấn đề về quốc phòng, an ninh và vận dụng kiến thức, kĩ năng quân sự đã học vào cuộc sống.

Tích cực học tập, nghiên cứu về lịch sử truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam, trong đó có cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Tích cực tham gia các hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc Bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sĩ, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ do nhà trường tổ chức.

# CÂU HỎI ÔN TẬP BÀI 1.

Câu 1:Tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xary bắt đầu phát động chiến tranh xâm lược Việt Nam vào ngày nào?

A. 30-3-1977. B. 30-4-1977. C. 23-12-1978. D.02-12-1978.

Câu 2:Sau khi nắm quyền lãnh đạo Campuchia, tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xary thực hiện cải tạo xã hội theo mô hình nào?

A. Tự do. B. Cực đoan. C. Dân chủ. D. Công bằng.

Câu 3: Ngày 02-12-1978, tổ chức nào được thành lập để giải phóng dân tộc Campuchia?

A. Đảng Cộng sản Campuchia. B. Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia.

C. Quân đội nhân dân Campuchia. D. Liên minh các lực lượng dân chủ Campuchia.

Câu 4: Ngày 23-12-1978, tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xary mở cuộc tiến công trên toàn tuyến biên giới Tây Nam nước ta. Đúng hay sai?

A. Sai. B. Đúng. C. Một phần đúng. D. Mộtphần sai.

Câu 5: Thủ đô của Campuchia được giải phóng vào ngày nào?

A. 01-01-1979. B. 07-01-1979. C. 15-01-1979. D. 20-01-1979.

Câu 6: Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam khẳng định điều gì về đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Sai lầm B. Đúng đắn, sáng suốt. C. Thất bại. D. Trung lập.

Câu 7: Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam là cuộc chiến tranh gì của dân tộc Việt Nam?

A. Bành trướng. B. Chính nghĩa, tự vệ. C. Phi nghĩa. D. Xâm lược.

Câu 8: Chính quyền Trung Quốc phát động chiến tranh xâm lược quy mô lớn sang lãnh thổ Việt Nam vào ngày nào?

A. 15-02-1979. B. 17-02-1979. C. 19-02-1979. D. 21-02-1979.

Câu 9: Ngày 05-3-1979, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố điều gì để bảo vệ Tổ quốc?

A. Luật chiến tranh. B. Lệnh Tổng động viên.

C. Sắc lệnh khẩn cấp. D. Chỉ thị quốc phòng.

Câu 10: Chính quyền Trung Quốc tuyên bố rút quân khỏi lãnh thổ Việt Nam vào ngày nào?

A. 03-3-1979. B. 05-3-1979. C. 07-3-1979. D. 09-3-1979.

Câu 11: Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc là cuộc chiến tranh gì của dân tộc Việt Nam?

A. Xâm lược. B. Tự vệ chính nghĩa. C. Bành trướng. D. Phi nghĩa.

Câu 12: Chiến thắng trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc đã khẳng định điều gì về truyền thống của dân tộc Việt Nam?

A. Trung lập. B. Truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.C. Đầu hàng. D. Phản bội.

Câu 13: Thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc để lại điều gì trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?

A. Thất bại B. Nhiều kinh nghiệm quý giá. C. Hối tiếc. D. Sai lầm.

Câu 14: Chính quyền Trung Quốc tăng cường các hoạt động quân sự, khiêu khích vũ trang từ năm nào?

A. 1973. B. 1975. C. 1977. D. 1979.

Câu 15: Đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn của đối phương là một trong những nét chính về nghệ thuật gì của Việt Nam?

A. Chính trị. B. Quân sự. C. Ngoại giao. D. Kinh tế.

Câu 16: Chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc thể hiện truyền thống văn hóa gì của Việt Nam?

A. Bành trướng. B. Nhân đạo. C. Xâm lược. D. Độc tài.

Câu 17: Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam góp phần bảo vệ điều gì trong khu vực và trên thế giới?

A. Xung đột. B. Hòa bình. C. Chiến tranh. D. Đối đầu.

Câu 18: Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam giúp dân tộc Campuchia thoát khỏi điều gì?

A. Sự bành trướng. B. Họa diệt chủng.

C. Sự phân ly. D. Sự đô hộ.

Câu 19: Trong chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc, Việt Nam đã phát huy sức mạnh gì của toàn dân đánh giặc?

A. Cá nhân. B. Tổng hợp. C. Phân tán. D. Độc lập.

Câu 20: Một trong những nét chính về nghệ thuật quân sự trong chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam là gì?

A. Tấn công trực diện. B. Kết hợp phòng ngự, phản công, tiến công.

C. Phòng thủ cố định. D. Tránh né đối đầu.

Câu 21: Việt Nam có bờ biển dài khoảng bao nhiêu km?

A. 2.600 km. B. 3.260 km. C. 3.600 km. D. 4.000 km.

Câu 22: Việt Nam có vùng biển rộng bao nhiêu km²?

A. 800.000 km². B. Hơn 1 triệu km². C. 1,2 triệu km². D.1,5 triệu km².

Câu 23: Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của nước nào?

A. Trung Quốc. B. Việt Nam. C. Philippines. D. Malaysia.

Câu 24: Chính quyền Trung Quốc chiếm đóng trái phép nhóm đảo phía đông quần đảo Hoàng Sa vào năm nào?

A. 1954. B. 1956. C. 1974. D. 1975.

Câu 25: Chính quyền Trung Quốc sử dụng lực lượng quân sự đánh chiếm nhóm đảo phía Tây quần đảo Hoàng Sa vào năm nào?

A. 1956. B. 1974. C. 1975. D. 1978.

Câu 26: Có bao nhiêu nước và bên tuyên bố chủ quyền toàn bộ hoặc một phần quần đảo Trường Sa?

A. 3 nước. B. 5 nước 6 bên. C. 6 nước. D. 7 nước.

Câu 27: Năm 1988, Trung Quốc chiếm đóng trái phép bao nhiêu bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam?

A. 3 bãi đá. B. 6 bãi đá. C. 8 bãi đá. D. 10 bãi đá.

Câu 28: Trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, Việt Nam luôn nhất quán giải quyết tranh chấp bằng biện pháp nào?

A. Quân sự. B. Hòa bình. C. Kinh tế. D. Văn hóa.

Câu 29: Luật Biển Việt Nam được ban hành vào năm nào?

A. 2010. B. 2012. C. 2014. D. 2016.

Câu 30: Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm nào được Việt Nam áp dụng để giải quyết tranh chấp về phân định vùng biển?

A. 1978. B. 1982. C. 1985. D. 1990.

Câu 31: Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) được thúc đẩy thực hiện giữa ASEAN và quốc gia nào?

A. Philippines. B. Trung Quốc. C. Malaysia. D. Brunei.

Câu 32: Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam đóng góp giá trị lịch sử gì trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc?

A. Thất bại. B. To lớn. C. Trung bình. D. Nhỏ bé.

Câu 33: Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với những quần đảo nào?

A. Bạch Long Vĩ và Cô Tô. B. Hoàng Sa và Trường Sa.

C. Phú Quốc và Lý Sơn. D. Thổ Chu và Côn Đảo.

Câu 34: Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo góp phần giữ vững điều gì trong khu vực và trên thế giới?

A. Xung đột. B. Hòa bình, ổn định. C. Chiến tranh. D. Căng thẳng.

Câu 35: Việt Nam khẳng định quan điểm giải quyết tranh chấp biển, đảo bằng biện pháp nào?

A. Quân sự. B. Hòa bình. C. Kinh tế. D. Chính trị.

Câu 36: Việt Nam đã ban hành Luật Biển Việt Nam vào năm nào?

A. 2010. B. 2012. C. 2014. D. 2016.

Câu 37: Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) được ký kết giữa ASEAN và quốc gia nào?

A. Nhật Bản. B. Trung Quốc. C. Ấn Độ. D. Nga.

Câu 38: Việt Nam luôn kiên trì sử dụng biện pháp nào để giải quyết tranh chấp, xung đột trên biển, đảo?

A. Quân sự. B. Hòa bình. C. Kinh tế. D. Văn hóa.

Câu 39: Nòng cốt trong các lực lượng bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam là lực lượng nào?

A. Bộ đội Biên phòng. B. Hải quân nhân dân Việt Nam.

C. Không quân nhân dân Việt Nam. D. Cảnh sát biển Việt Nam.

Câu 40: Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo thể hiện nghệ thuật đấu tranh dựa trên nguyên tắc nào?

A. Linh hoạt. B. Kiên định. C. Mềm mỏng. D. Tự do.

Câu 41: Công dân cần nhận thức đầy đủ về điều gì để thực hiện trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc?

A. Nghĩa vụ lao động. B. Quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

C. Nghĩa vụ thuế. D. Nghĩa vụ học tập.

Câu 42: Công dân cần tự giác thực hiện nghĩa vụ nào để góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân?

A. Nghĩa vụ giáo dục. B. Nghĩa vụ quân sự.

C. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường. D. Nghĩa vụ tham gia công đoàn.

Câu 43: Một trong những trách nhiệm của công dân là tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các hoạt động nào?

A. Thể thao. B. Tri ân, đền ơn đáp nghĩa. C. Giải trí. D. Du lịch.

Câu 44: Công dân cần tự giác tìm hiểu và tuyên truyền về giá trị gì trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?

A. Giá trị kinh tế. B. Giá trị lịch sử, nghệ thuật quân sự Việt Nam.

C. Giá trị văn hóa. D. Giá trị giáo dục.

Câu 45: Học sinh cần thực hiện trách nhiệm của công dân đối với nội dung nào?

A. Nghĩa vụ gia đình. B. Sự nghiệp xây dựng, củng cố quốc phòng và an ninh.

C. Nghĩa vụ lao động. D. Nghĩa vụ học tập.

Câu 46: Học sinh cần tham gia học tập nội dung chương trình gì để nâng cao nhận thức về quốc phòng và an ninh?

A. Chương trình kinh tế. B. Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh.

C. Chương trình văn hóa. D. Chương trình thể thao.

Câu 47: Học sinh cần tích cực học tập và nghiên cứu về lịch sử truyền thống gì của dân tộc Việt Nam?

A. Lịch sử văn hóa. B. Lịch sử truyền thống đánh giặc giữ nước.

C. Lịch sử kinh tế. D. Lịch sử nghệ thuật.

Câu 48: Học sinh cần tham gia các hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa đối với ai?

A. Người cao tuổi. B. Bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sĩ.

C. Trẻ em. D. Người khuyết tật.

Câu 49: Công dân cần chủ động tham gia tuyên truyền về điều gì liên quan đến quốc phòng và an ninh?

A. Kinh tế. B. Đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. C. Văn hóa. D. Khoa học.

Câu 50: Học sinh cần vận dụng kiến thức, kỹ năng quân sự đã học vào đâu?

A. Giải trí. B. Cuộc sống. C. Thể thao. D. Văn hóa.

Câu 51: Công dân cần tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia chăm sóc ai?

A. Trẻ em. B. Bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sĩ. C. Người cao tuổi. D. Người khuyết tật.

Câu 52: Công dân cần chấp hành quy định của pháp luật trong việc gì để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng?

A. Lao động. B. Nghĩa vụ quân sự. C. Giáo dục. D. Văn hóa.

Câu 53: Học sinh cần tham gia học tập chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh ở đâu?

A. Gia đình. B. Trường phổ thông. C. Cộng đồng. D. Công ty.

Câu 54: Công dân cần tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia hoạt động gì do nhà trường tổ chức?

A. Thể thao. B. Chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ. C. Giải trí. D. Du lịch.

Câu 55: Học sinh cần nghiên cứu về cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới nào?

A. Biên giới phía Tây. B. Biên giới phía Bắc.

C. Biên giới phía Nam. D. Biên giới phía Đông.

Câu 56: Công dân cần tự giác tìm hiểu và tham gia tuyên truyền về điều gì trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?

A. Giá trị kinh tế. B. Giá trị lịch sử, nghệ thuật quân sự Việt Nam.

C. Giá trị văn hóa. D. Giá trị giáo dục.

Câu 57: Học sinh cần tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia chăm sóc ai?

A. Người cao tuổi. B. Gia đình thương binh, liệt sĩ.

C. Trẻ em. D. Người khuyết tật.

Câu 58: Học sinh cần tham gia các hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa để làm gì?

A. Giải trí. B. Chăm sóc Bà mẹ Việt Nam anh hùng. C. Thể thao. D. Du lịch.

Câu 59: Công dân cần nhận thức đầy đủ về điều gì để thực hiện trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc?

A. Nghĩa vụ lao động. B. Quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

C. Nghĩa vụ thuế. D. Nghĩa vụ học tập.

Câu 60: Công dân cần tự giác thực hiện nghĩa vụ nào để góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân?

A. Nghĩa vụ giáo dục. B. Nghĩa vụ quân sự.

C. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường. D. Nghĩa vụ tham gia công đoàn.

Câu 61: Âm mưu chiến lược của tập đoàn Pôn Pốt khi lên nắm quyền vào tháng 4/1975 là gì?

A. Tăng cường hợp tác với Việt Nam. B. Phá hoại mối quan hệ đoàn kết giữa Campuchia - Việt Nam - Lào.

C. Mở rộng lãnh thổ Campuchia. D. Xây dựng kinh tế Campuchia.

Câu 62: Từ năm 1975 đến 1978, tập đoàn Pôn Pốt đã làm gì tại biên giới Tây Nam của Việt Nam?

A. Ký kết hiệp ước hòa bình. B. Tiến hành nhiều cuộc xâm lấn và đánh chiếm biên giới.

C. Tổ chức các cuộc đối thoại hòa bình. D. Tăng cường thương mại.

Câu 63: Tập đoàn Pôn Pốt đã huy động bao nhiêu sư đoàn để tiến công biên giới Tây Nam Việt Nam vào cuối năm 1978?

A. 5 sư đoàn. B. 10 sư đoàn. C. 15 sư đoàn. D. 20 sư đoàn.

Câu 64: Quyết định của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương Việt Nam vào đầu tháng 12/1978 là gì?

A. Tập trung phát triển kinh tế. B. Tổng phản công và tiến công chiến lược tiêu diệt quân địch.

C. Rút lui khỏi biên giới Tây Nam. D. Ký kết hiệp ước đình chiến với Khmer Đỏ.

Câu 65: Ngày 23/12/1978, quân và dân Việt Nam đã làm gì để bảo vệ lãnh thổ?

A. Tăng cường đàm phán hòa bình. B. Tiến công quyết liệt và đánh đuổi quân Pôn Pốt ra khỏi lãnh thổ.

C. Kêu gọi sự hỗ trợ từ Liên Hợp Quốc. D. Triển khai lực lượng bảo vệ biên giới.

Câu 66: Khi nào Quân tình nguyện Việt Nam và lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia giải phóng thủ đô Phnôm Pênh?

A. 23/12/1978. B. 7/1/1979. C. 17/1/1979. D. 30/4/1979.

Câu 67: Sau cuộc tiến công giải phóng Campuchia, Quân tình nguyện Việt Nam đã tiêu diệt bao nhiêu sư đoàn quân Pôn Pốt?

A. 10 sư đoàn. B. 18 sư đoàn. C. 25 sư đoàn. D. 30 sư đoàn.

Câu 68: Chiến thắng chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Việt Nam có ý nghĩa gì đối với Campuchia?

A. Thiết lập chế độ phong kiến. B. Xóa bỏ chế độ diệt chủng của tập đoàn Pôn Pốt.

C. Liên minh với Thái Lan. D. Chia cắt đất nước Campuchia.

Câu 69: Thắng lợi ngày 7/01/1979 có ý nghĩa gì đối với quan hệ Việt Nam - Campuchia?

A. Gây xung đột kéo dài. B. Khôi phục và vun đắp tình đoàn kết, hữu nghị truyền thống.

C. Chia rẽ mối quan hệ giữa hai nước. D. Tăng cường đối đầu quân sự.

Câu 70: Chiến thắng chế độ diệt chủng Pôn Pốt đã góp phần gì cho khu vực Đông Nam Á và thế giới?

A. Kích động xung đột khu vực. B. Giữ vững hòa bình và ổn định.

C. Tạo điều kiện cho chủ nghĩa dân tộc phát triển. D. Gây ra cuộc chiến tranh mới.

Câu 71: Bài học đầu tiên từ chiến thắng chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam là gì?

A. Luôn giữ vững tinh thần đoàn kết quốc tế.

B. Nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng.

C. Phát triển kinh tế-xã hội.

D. Tăng cường hợp tác đối ngoại.

Câu 72: Tại sao Việt Nam ban đầu bị động trong việc xác định đối tượng tác chiến sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ?

A. Do thiếu thông tin tình báo. B. Do chưa đánh giá đúng bản chất, âm mưu của tập đoàn Pol Pot-Ieng Sary.

C. Do thiếu sự hỗ trợ quốc tế. D. Do quân đội chưa sẵn sàng.

Câu 73: Điều gì cần thiết để đất nước không bị động, bất ngờ về chiến lược?

A. Tăng cường đối thoại với các nước láng giềng.

B. Nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng.

C. Đẩy mạnh phát triển kinh tế.

D. Xây dựng lực lượng quân đội hiện đại.

Câu 74: Một trong những biện pháp để ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh từ sớm là gì?

A. Ký kết các hiệp ước hòa bình. B. Có kế sách ngăn ngừa từ sớm, từ xa.

C. Tăng cường sản xuất quốc phòng. D. Phát triển các khu công nghiệp.

Câu 75: Bài học từ cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam về đánh giá tình hình là gì?

A. Tăng cường quan hệ quốc tế. B. Đánh giá tình hình khách quan, toàn diện.

C. Đầu tư vào công nghệ quân sự. D. Mở rộng hợp tác kinh tế.

Câu 76: Mục tiêu xuyên suốt của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân là gì?

A. Phát triển kinh tế đất nước. B. Giữ vững hòa bình, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh.

C. Tăng cường quan hệ quốc tế. D. Đẩy mạnh sản xuất quốc phòng.

Câu 77: Nền quốc phòng toàn dân của Việt Nam mang tính chất gì?

A. Chiến tranh tấn công. B. Hòa bình, tự vệ.

C. Xâm lược mở rộng lãnh thổ. D. Thương mại quốc tế.

Câu 78: Để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, cần phải làm gì?

A. Tăng cường hợp tác kinh tế với các nước.

B. Xây dựng và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

C. Phát triển du lịch và văn hóa.

D. Mở rộng hợp tác quốc phòng với Mỹ.

Câu 79: Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân phải gắn với điều gì?

A. Phát triển kinh tế tư nhân. B. Thế trận an ninh nhân dân.

C. Mở rộng các khu công nghiệp. D. Tăng cường xuất khẩu.

Câu 80: Thực hiện phương châm gì để bảo vệ quốc phòng, an ninh các vùng?

A. Tăng cường hợp tác kinh tế. B. “Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ”.

C. Mở rộng quan hệ đối ngoại. D. Tăng cường sản xuất quốc phòng.

Câu 81: Một trong những bài học quan trọng từ cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam là gì?

A. Tăng cường hợp tác kinh tế với các nước lớn.

B. Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ.

C. Mở rộng các khu công nghiệp.

D. Tăng cường xuất khẩu.

Câu 82: Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, lực lượng nào là nòng cốt?

A. Cảnh sát biển. B. Quân đội nhân dân.

C. Lực lượng dân quân tự vệ. D. Công an nhân dân.

Câu 83: Hiện nay, cần xây dựng quân đội theo hướng nào?

A. Tăng cường hợp tác với các nước. B. Tinh, gọn, mạnh.

C. Mở rộng các khu công nghiệp. D. Tăng cường xuất khẩu.

Câu 84: Để đảm bảo quốc phòng, cần điều chỉnh gì?

A. Phát triển du lịch và văn hóa. B. Thế bố trí lực lượng phù hợp trên các vùng, miền.

C. Mở rộng hợp tác quốc phòng với Mỹ. D. Tăng cường sản xuất quốc phòng.

Câu 85: Trong quan hệ đối ngoại, cần giữ vững nguyên tắc gì?

A. Mở rộng hợp tác kinh tế. B. “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”.

C. Tăng cường xuất khẩu. D. Mở rộng các khu công nghiệp.

Câu 86: Quan hệ quốc phòng Việt Nam-Campuchia đóng vai trò gì?

A. Phát triển kinh tế. B. Trụ cột quan trọng trong quan hệ toàn diện giữa hai quốc gia.

C. Mở rộng các khu công nghiệp. D. Tăng cường xuất khẩu.

Câu 87: Quan hệ quốc phòng Việt Nam-Campuchia góp phần gì cho khu vực?

A. Gây xung đột kéo dài. B. Đóng góp vào hòa bình, ổn định và phát triển.

C. Tăng cường xuất khẩu. D. Phát triển du lịch.

Câu 88: Để bảo vệ chủ quyền đất nước, cần làm gì trong công tác đối ngoại?

A. Mở rộng hợp tác kinh tế. B. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại quốc phòng.

C. Phát triển du lịch và văn hóa D. Tăng cường sản xuất quốc phòng.

Câu 89: Một trong những bài học từ cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam là gì?

A. Tăng cường xuất khẩu. B. Chăm lo xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ

C. Mở rộng các khu công nghiệp. D. Tăng cường hợp tác quốc phòng với Mỹ.

Câu 90: Mục tiêu của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân là gì?

A. Tăng cường hợp tác kinh tế. B. Giữ vững hòa bình, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh.

C. Phát triển du lịch và văn hóa. D. Mở rộng các khu công nghiệp.

# BÀI 2: TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

## I. QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

## 1. Một số chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam

### a) Bộ Quốc phòng

Tham mưu với Đảng và Nhà nước về đường lối, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng bảo vệ Tổ quốc, quản lí nhà nước về lĩnh vực quân sự, quốc phòng trong phạm vi cả nước, tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lí, chỉ huy Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ.

### b) Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam

Tham mưu chiến lược về các chủ trương, chính sách, biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, chỉ huy, điều hành và tổ chức, chỉ đạo phát triển Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ.

### c) Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam

Đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị trong toàn quân, giúp Quân uỷ Trung ương quyết định những chủ trương, biện pháp lớn về công tác Đảng, công tác chính trị trong Quân đội.

### d) Quân khu

Tham mưu, chỉ đạo xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, chỉ huy các đơn vị thuộc quyền, đơn vị bộ đội địa phương cấp tỉnh, cấp huyện và Dân quân tự vệ trên địa bàn của quân khu.

### e) Quân chủng

Tham mưu, chỉ đạo xây dựng lực lượng phòng không, không quân, hải quân, là lực lượng nòng cốt trong quản lí, bảo vệ vùng trời, vùng biển, đảo của Tổ quốc.

### f) Quân đoàn

Tham mưu, chỉ đạo huấn luyện, xây dựng, phát triển lực lượng, sẵn sàng chiến đấu, là đơn vị chủ lực cơ động và tác chiến chiến lược của quân đội, có thể tác chiến độc lập hoặc đảm nhiệm một hướng chiến dịch

### g) Binh chủng

Tham mưu, chỉ đạo huấn luyện, xây dựng, phát triển lực lượng chuyên ngành

(Pháo bình, Tăng - Thiết giáp, Hoá học, Công binh, Đặc công...) cho toàn quân, tham gia tác chiến hiệp đồng, quân binh chủng

### h) Cơ quan quân sự địa phương

Cơ quan quân sự địa phương gồm Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh), Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ban chỉ huy quân sự cấp huyện), Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ban chỉ huy quân sự cấp xã).

Cơ quan quân sự địa phương là cơ quan thường trực công tác quốc phòng ở địa phương cùng cấp, có chức năng tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cùng cấp và tổ chức thực hiện công tác quốc phòng ở địa phương theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền giao.

***Chú ý***: Ở từng quân chủng, quân đoàn, binh chủng có các đơn vị sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội, trung đội và tiểu đội, trong đó tiểu đội là phân đội nhỏ nhất.

## 2. Quân hiệu, cấp bậc quân hàm, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục quân nhân

### a) Quân hiệu

Quân hiệu Quân đội nhân dân Việt Nam là biểu tượng của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Quân hiệu Quân đội nhân dân Việt Nam hình tròn (đường kính 36 mm hoặc 33 mm hoặc 28 mm), ở giữa có ngôi sao năm cánh màu vàng, xung quanh có hai bông lúa màu vàng đặt trên nền đỏ tươi, phía dưới hai bông lúa có hình nửa bánh xe răng lịch sử màu vàng, vành ngoài quân hiệu màu vàng. Quân hiệu đường kính 36 mm (hình 2.2) và quân hiệu đường kính 28 mm dập liền với cành tùng kép màu vàng.

Chú ý: Quân hiệu Cảnh sát biển Việt Nam có nền màu xanh dương.

### b) Cấp bậc quân hàm, cấp hiệu

- Hệ thống cấp bậc quân hàm.

+ Sĩ quan: Cấp tướng có bốn bậc (Thiếu tướng - Chuẩn Đô đốc Hải quân, Trung tướng-Phó Đô đốc Hải quân, Thượng tướng- Đô đốc Hải quân; Đại tướng), cấp tá có bốn bậc (Thiếu tá, Trung tá, Thượng tá, Đại tá), cấp uý có bốn bậc (Thiếu uý, Trung uý, Thượng uý, Đại uý).

+ Hạ sĩ quan có ba bậc: Hạ sĩ, Trung sĩ, Thượng sĩ.

+ Binh sĩ có hai bậc: Bình nhì, Binh nhất.

- Cấp hiệu:

+ Cấp hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam là biểu trưng thể hiện cấp bậc trong ngạch quân sự của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, học viên, hạ sĩ quan - binh sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

+ Hình dáng, nền, đường viền, cúc, gạch ngang, vạch ngang (vạch hình chữ V) và số lượng sao trên cấp hiệu của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, học viên, hạ sĩ quan binh sĩ, nhân viên chuyên môn kĩ thuật của các quân chủng, binh chủng Quân đội nhân dân Việt Nam được quy định tại Điều 6 Nghị định số 82/2016/NĐ-CP

### c) Phù hiệu

- Phù hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam bao gồm: nền phù hiệu, hình phù hiệu, cành tùng, biểu tượng quân chủng, binh chủng, biển tên, logo.

Nền phù hiệu, hình phù hiệu và cành tùng được quy định tại Điều 7 Nghị định số 82/2016/ND-CP.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định kiểu mẫu, màu sắc biển tên, biểu tượng quân chủng, binh chủng, logo các các đối tượng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

### d) Trang phục

Trang phục của sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, học viên, công nhân và viên chức quốc phòng được quy định tại Chương III. Nghị định số 82/2016/NĐ-CP, bảo đảm tính thống nhất và phù hợp với từng quân chủng, binh chủng Quân đội nhân dân Việt Nam.

## II. CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

## 1. Một số chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức trong Công an nhân dân Việt Nam

### a) Bộ Công an

Tham mưu với Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, thực hiện quản lí nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

### b) Một số cơ quan trực thuộc Bộ Công an

- Bộ Tư lệnh Cảnh vệ: Thực hiện công tác cảnh vệ đảm bảo an toàn tuyệt đối cho cán bộ cấp cao của Đảng và Nhà nước Việt Nam, bảo vệ các nguyên thủ, khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Việt Nam. bảo vệ các khu vực làm việc, các hoạt động, hội nghị của Đảng, Nhà nước Việt Nam.

- Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động: Thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

- Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao: Tham mưu, hướng dẫn, thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh và an toàn mạng, các biện pháp nghiệp vụ phòng ngừa, phát hiện, điều tra xử lí tôi phạm sử dụng công nghệ cao.

- Cục Cảnh sát hình sự: Tham mưu, hướng dẫn, thực hiện các biện pháp nghiệp vụ trong phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lí các tội phạm về trật tự xã hội.

- Cục Cảnh sát điều tra tội phạm ma tuý: Tham mưu, hướng dẫn, thực hiện các biện pháp nghiệp vụ trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về ma tuý.

- Cục Cảnh sát quản lí hành chính về trật tự xã hội: Tham mưu, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản là nhà nước về trật tự xã hội, các biện pháp nghiệp vụ để phục vụ công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật.

- Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: Tham mưu, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lí nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Cục Cảnh sát giao thông: Tham mưu, hướng dẫn và tổ chức bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về giao thông.

### c) Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện và Công an cấp xã

Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Công an cấp tỉnh), Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Công an cấp huyện). Công an xã, phường, thị trấn (gọi chung là Công an cấp xã) có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Tham mưu với cấp uỷ, Uỷ ban nhân dân cùng cấp và thủ trưởng cơ quan Công an cấp trên trực tiếp về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

- Thực hiện quản lí nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đầu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn theo quy định.

- Trực tiếp đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tôi phạm và các vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

## 2. Công an hiệu, cấp bậc hàm, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục

### a) Công an hiệu

Công an hiệu Công an nhân dân hình tròn, đường kính 36 mm, ở giữa có ngôi sao năm cánh màu vàng nổi trên nền đỏ, vành khăn trong và vành khăn ngoài màu vàng, hai bên giữa hai vành khăn có hai bông lúa màu vàng nổi trên nền xanh lục thẫm, phía dưới ngôi sao có hình nửa bánh xe, giữa nửa bánh xe có chữ lồng "CA", bánh xe và chữ CA màu vàng, bên ngoài Công an hiệu có cành tùng kép màu vàng bao quanh hình thành một khối cao 54 mm, rộng 64 mm.

### b) Cấp bậc hàm, cấp hiệu

- Hệ thống cấp bậc hàm

+ Sĩ quan nghiệp vụ: sĩ quan cấp tướng có bốn bậc (Thiếu tướng, Trung tướng, Thương tướng, Đại tướng) sĩ quan cấp tá có bốn bậc (Thiếu tá, Trung tá, Thượng tá, Đại tá) sĩ quan cấp uý có bốn bậc (Thiếu uý, Trung uý, Thượng uý, Đại uý).

+ Hạ sĩ quan nghiệp vụ có ba bậc: Hạ sĩ, Trung sĩ, Thượng sĩ.

+ Sĩ quan chuyên môn kĩ thuật: sĩ quan cấp tá có ba bậc (Thiếu tá, Trung tá, Thượng tá), sĩ quan cấp uý có bốn bậc (Thiếu uý, Trung uý, Thượng uý, Đại uý).

+ Hạ sĩ quan chuyên môn kĩ thuật có ba bậc: Hạ sĩ, Trung sĩ, Thượng sĩ.

Hạ sĩ quan nghĩa vụ có ba bậc: Hạ sĩ, Trung sĩ, Thượng sĩ.

- Chiến sĩ nghĩa vụ có hai bâc: Binh nhì, Binh nhất.

- Cấp hiệu.

+ Cấp hiệu Công an nhân dân Việt Nam là dấu hiệu chỉ cấp bậc hàm mang ở vai áo trang phục

- Nền, đường viền, cúc, vạch ngang (vạch hình chữ V), số lượng sao trên cấp hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên Công an nhân dân Việt Nam được quy định tại Nghị định số 160/2007/NĐ-CP và Nghị định số 29/2016/ND-CP

### c) Phù hiệu

a) Đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ và học viên

Phù hiệu Công an nhân dân Việt Nam là dấu hiệu quy định để chỉ tổ chức, lực lượng.

- Khi mặc trang phục thường dùng và mang cấp hiệu trên vai áo, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên Công an nhân dân phải đeo phù hiệu màu đỏ ở cổ áo, giữa nền phù hiệu gắn Công an hiệu đường kính 18 mm, riêng phù hiệu của cấp tướng có viền 3 cạnh màu vàng.

### d) Trang phục

Lễ phục của sĩ quan Công an nhân dân được quy định tại Nghị định số 160/2007/NĐ-CP và Nghị định số 29/2016/ND-CP

Lễ phục của hạ sĩ quan, chiến sĩ, trang phục thường dùng, trang phục chiến đấu, trang phục hoá trang nghiệp vụ và trang phục nghi lễ của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Công an quy định, trong đó có trang phục của một số lực lượng chuyên môn sau

Trang phục của Cảnh sát giao thông: Quần áo, mũ kê pi, cà vạt màu lúa chín vàng; cánh tay trái áo gắn phù hiệu nền màu xanh lam có dòng chữ "CSGT, giày da màu đen kiểu buộc dây. Khi kiểm soát vào buổi tối, ban đêm hoặc ban ngày trong điều kiện thời tiết sương mù, thời tiết xấu làm hạn chế tầm nhìn phải mặc áo phản quang

Trang phục của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: Quần áo màu xanh tím than, thân áo và hai tay có dải phản quang, lưng áo có thêu dòng chữ “CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH”, mũ bảo hiểm màu đỏ, giày ghệt màu đen, kiểu buộc dây, ủng màu đen.

Trang phục của Cảnh sát cơ động: Quần áo, mũ màu rêu đậm, cánh tay trái áo gần phù hiệu nền màu xanh lam có dòng chữ "CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG" màu vàng: giày ghệt da cổ bạt màu đen, kiểu buộc dây, giày vải màu cỏ ủa, kiểu buộc dây.

# CÂU HỎI ÔN TẬP BÀI 2

1. Bộ Quốc phòng có chức năng gì trong quản lý nhà nước?

A. Quản lý các khu công nghiệp. B. Quản lý về lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

C. Quản lý tài nguyên thiên nhiên. D. Quản lý ngân sách quốc gia.

1. Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam tham mưu về điều gì?

A. Chính sách ngoại giao. B. Chủ trương, chính sách, biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

C. Kế hoạch phát triển kinh tế. D. Chương trình giáo dục.

1. Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam đảm nhiệm công tác gì?

A. Công tác kinh tế. B. Công tác Đảng, công tác chính trị trong toàn quân.

C. Công tác dân sự D. Công tác môi trường.

1. Quân khu có nhiệm vụ gì?

A. Phát triển kinh tế địa phương. B. Chỉ đạo xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, chỉ huy các đơn vị thuộc quyền.

C. Quản lý giao thông. D. Quản lý tài chính.

1. Quân chủng phòng không, không quân, hải quân có nhiệm vụ gì?

A. Quản lý tài nguyên biển. B. Bảo vệ vùng trời, vùng biển, đảo của Tổ quốc.

C. Phát triển du lịch. D. Quản lý giáo dục.

1. Quân đoàn có nhiệm vụ gì?

A. Phát triển nông nghiệp. B. Huấn luyện, xây dựng, sẵn sàng chiến đấu.

C. Quản lý thương mại. D. Quản lý y tế.

1. Binh chủng pháo binh, tăng-thiết giáp có nhiệm vụ gì?

A. Phát triển văn hóa. B. Huấn luyện, phát triển lực lượng chuyên ngành.

C. Quản lý năng lượng. D. Quản lý giáo dục.

1. Cơ quan quân sự địa phương có chức năng gì?

A. Quản lý thương mại. B. Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về công tác quốc phòng.

C. Quản lý môi trường. D. Quản lý tài chính.

1. Cấp bậc quân hàm của sĩ quan trong quân đội có bao nhiêu bậc tướng?

A. Hai bậc. B. Bốn bậc. C. Ba bậc. D. Năm bậc.

1. Hệ thống cấp bậc quân hàm của hạ sĩ quan có bao nhiêu bậc?

A. Hai bậc. B. Ba bậc. C. Bốn bậc. D. Năm bậc.

1. Hình dạng quân hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam là gì?

A. Hình vuông. B. Hình tròn. C. Hình tam giác. D. Hình chữ nhật.

1. Màu sắc ngôi sao trên quân hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam là gì?

A. Màu đỏ. B. Màu vàng. C. Màu xanh. D. Màu trắng.

1. Quân hiệu Cảnh sát biển Việt Nam có nền màu gì?

A. Màu đỏ. B. Màu xanh dương. C. Màu vàng. D. Màu trắng.

1. Cấp hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam thể hiện điều gì?

A. Chức danh trong quân đội. B. Cấp bậc trong ngạch quân sự.

C. Nhiệm vụ quân sự. D. Kế hoạch tác chiến.

1. Cấp hiệu của sĩ quan có hình dáng gì?

A. Hình vuông. B. Hình chữ nhật. C. Hình tam giác. D. Hình tròn.

1. Phù hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam gồm những gì?

A. Biểu tượng quốc gia. B. Nền phù hiệu, hình phù hiệu, cành tùng.

C. Cờ và hoa. D. Chữ và số.

1. Trang phục của sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ được quy định tại đâu?

A. Luật Quân đội. B. Nghị định số 82/2016/NĐ-CP.

C. Hiến pháp. D. Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

1. Nền phù hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam có màu gì?

A. Màu trắng. B. Màu đỏ. C. Màu xanh. D. Màu vàng.

1. Cấp hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam có mấy loại?

A. Hai loại. B. Ba loại. C. Bốn loại. D. Năm loại.

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định gì về phù hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam?

A. Kiểu mẫu, màu sắc của quốc kỳ. B. Kiểu mẫu, màu sắc biển tên, biểu tượng quân chủng, binh chủng, logo.

C. Kiểu mẫu, màu sắc của trang phục. D. Kiểu mẫu, màu sắc của quân hàm.

1. Hệ thống cấp bậc quân hàm của sĩ quan cấp úy có bao nhiêu bậc?

A. Hai bậc. B. Bốn bậc. C. Ba bậc. D. Năm bậc.

1. Binh sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam có bao nhiêu bậc?

A. Một bậc. B. Hai bậc. C. Ba bậc. D. Bốn bậc.

1. Trang phục của quân nhân chuyên nghiệp được quy định tại đâu?

A. Luật Quân đội. B. Nghị định số 82/2016/NĐ-CP.

C. Hiến pháp. D. Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

1. Biểu tượng quân chủng, binh chủng được quy định tại đâu?

A. Luật Quân đội. B. Nghị định số 82/2016/NĐ-CP.

C. Hiến pháp. D. Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

1. Màu sắc nền phù hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam là gì?

A. Màu xanh. B. Màu đỏ. C. Màu trắng. D. Màu vàng.

1. Nền phù hiệu của Cảnh sát biển Việt Nam có màu gì?

A. Màu đỏ. B. Màu xanh dương. C. Màu vàng. D. Màu trắng.

1. Cấp bậc quân hàm của sĩ quan cấp tướng có bao nhiêu bậc?

A. Hai bậc. B. Bốn bậc. C. Ba bậc. D. Năm bậc.

1. Cấp hiệu của quân nhân chuyên nghiệp thể hiện điều gì?

A. Chức danh trong quân đội. B. Cấp bậc trong ngạch quân sự.

C. Nhiệm vụ quân sự. D. Kế hoạch tác chiến.

1. Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ huy và tổ chức gì?

A. Phát triển kinh tế. B. Phát triển Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ.

C. Quản lý tài nguyên. D. Quản lý giáo dục.

1. Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam giúp Quân ủy Trung ương trong công tác gì?

A. Kinh tế. B. Đảng, công tác chính trị. C. Văn hóa. D. Y tế.

1. Bộ Công an có nhiệm vụ gì?

A. Quản lý tài nguyên thiên nhiên. B. Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

C. Quản lý tài chính. D. Quản lý giáo dục.

1. Bộ Tư lệnh Cảnh vệ thực hiện nhiệm vụ gì?

A. Quản lý hành chính. B. Bảo vệ các khu vực làm việc, các hoạt động, hội nghị của Đảng, Nhà nước.

C. Quản lý tài nguyên. D. Quản lý y tế.

1. Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động có nhiệm vụ gì?

A. Quản lý giao thông. B. Thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia.

C. Quản lý tài chính. D. Quản lý môi trường.

1. Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao có nhiệm vụ gì?

A. Quản lý năng lượng. B. Bảo đảm an ninh và an toàn mạng.

C. Quản lý giáo dục. D. Quản lý y tế.

1. Cục Cảnh sát hình sự thực hiện nhiệm vụ gì?

A. Quản lý tài chính. B. Điều tra, xử lý các tội phạm về trật tự xã hội.

C. Quản lý giáo dục. D. Quản lý môi trường.

1. Cục Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy có nhiệm vụ gì?

A. Quản lý tài nguyên. B. Đấu tranh chống tội phạm về ma túy.

C. Quản lý năng lượng. D. Quản lý giao thông.

1. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có nhiệm vụ gì?

A. Quản lý tài chính. B. Thực hiện quản lý nhà nước về trật tự xã hội.

C. Quản lý giáo dục. D. Quản lý môi trường.

1. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có nhiệm vụ gì?

A. Quản lý tài nguyên. B. Thực hiện quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy.

C. Quản lý giáo dục. D. Quản lý y tế.

1. Cục Cảnh sát giao thông có nhiệm vụ gì?

A. Quản lý tài chính. B. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

C. Quản lý giáo dục. D. Quản lý môi trường.

1. Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ gì?

A. Quản lý tài nguyên. B. Thực hiện quản lý nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự xã hội.

C. Quản lý giáo dục. D. Quản lý y tế.

1. Công an cấp huyện có nhiệm vụ gì?

A. Quản lý tài chính. B. Thực hiện quản lý nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự xã hội.

C. Quản lý giáo dục. D. Quản lý môi trường.

1. Công an cấp xã có nhiệm vụ gì?

A. Quản lý tài nguyên. B. Thực hiện quản lý nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự xã hội.

C. Quản lý năng lượng. D. Quản lý y tế.

1. Công an hiệu của Công an nhân dân Việt Nam có hình dạng gì?

A. Hình vuông. B. Hình tròn. C. Hình tam giác. D. Hình chữ nhật.

1. Cấp bậc hàm của sĩ quan nghiệp vụ có bao nhiêu bậc tướng?

A. Ba bậc. B. Bốn bậc. C. Hai bậc. D. Năm bậc.

1. Hạ sĩ quan nghiệp vụ có bao nhiêu bậc?

A. Hai bậc. B. Ba bậc. C. Bốn bậc. D. Năm bậc.

1. Sĩ quan chuyên môn kỹ thuật có bao nhiêu bậc tá?

A. Hai bậc. B. Ba bậc. C. Bốn bậc. D. Năm bậc.

1. Chiến sĩ nghĩa vụ có bao nhiêu bậc?

A. Một bậc. B. Hai bậc. C. Ba bậc. D. Bốn bậc.

1. Cấp hiệu của Công an nhân dân Việt Nam là dấu hiệu chỉ gì?

A. Chức danh trong công an. B. Cấp bậc hàm mang ở vai áo trang phục.

C. Nhiệm vụ công an. D. Kế hoạch tác chiến.

1. Nền phù hiệu của Công an nhân dân Việt Nam có màu gì?

A. Màu vàng. B. Màu đỏ. C. Màu xanh. D. Màu trắng.

1. Khi mặc trang phục thường dùng, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân phải đeo phù hiệu ở đâu?

A. Tay áo. B. Cổ áo. C. Lưng áo. D. Vai áo.

1. Lễ phục của sĩ quan Công an nhân dân được quy định tại đâu?

A. Luật Công an. B. Nghị định số 160/2007/NĐ-CP và Nghị định số 29/2016/NĐ-CP.

C. Hiến pháp. D. Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

1. Trang phục của Cảnh sát giao thông có màu gì?

A. Màu trắng. B. Màu lúa chín vàng. C. Màu xanh lam. D. Màu đỏ.

1. Cánh tay trái áo của Cảnh sát giao thông có dòng chữ gì?

A. CSGT. B. CSGT, giày da màu đen kiểu buộc dây. C. CS. D. GT.

1. Trang phục của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy có màu gì?

A. Màu xanh lam. B. Màu xanh tím than.

C. Màu đỏ. D. Màu trắng.

1. Lưng áo của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy có dòng chữ gì?

A. CS. B. CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH. C. PCCC. D. CNCH.

1. Trang phục của Cảnh sát cơ động có màu gì?

A. Màu xanh lam. B. Màu rêu đậm.

C. Màu đỏ. D. Màu trắng.

1. Cánh tay trái áo của Cảnh sát cơ động có dòng chữ gì?

A. CS.

B. CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG. C. CSCĐ. D. COD.

1. Trang phục của Cảnh sát cơ động có giày màu gì?

A. Màu trắng. B. Màu đen. C. Màu đỏ. D. Màu xanh.

1. Khi kiểm soát vào buổi tối, Cảnh sát giao thông phải mặc gì?

A. Áo xanh lam. B. Áo phản quang. C. Áo trắng. D. Áo đỏ.

1. Trang phục của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy có giày màu gì?

A. Màu trắng. B. Màu đen. C. Màu đỏ. D. Màu xanh

# BÀI 3: CÔNG TÁC TUYỂN SINH ĐÀO TẠO QUÂN ĐỘI CÔNG AN TRONG CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG

## I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

## 1. Yêu cầu đối với công tác tuyển sinh, đào tạo trong các trường Quân đội, Công an

Các trường Quân đội, Công an thực hiện tuyển sinh, đào tạo theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, trong đó có một số yêu cầu sau:

Lựa chọn những công dân tự nguyện và có đủ tiêu chuẩn theo quy định vào đào tạo trong các trường Quân đội, Công an đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

- Tuyển sinh đáp ứng yêu cầu đào tạo gần với phát hiện nhân tài, quy hoạch và nhu cầu sử dụng đội ngũ cán bộ, thực hiện chế độ cử tuyển đúng quy định.

- Tổ chức tuyển sinh đúng pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch, chính xác, công bằng tạo đồng thuận của thí sinh, gia đình thí sinh và xã hội.

## 2. Nghĩa vụ, quyền lợi của học viên các trường Quân đội, Công an

Học viên các trường Quân đội, Công an học tập, sinh hoạt, rèn luyện tập trung trong môi trường lực lượng vũ trang theo điều lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, điều lệnh Công an nhân dân Việt Nam và nội quy của nhà trường.

Học viên các trường Quân đội, Công an được bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ học tập, được hưởng chế độ ăn, ở, trang phục, sinh hoạt phí và không phải đóng học phí, thân nhân (cha đẻ, mẹ đẻ, người nuôi dưỡng hợp pháp) của học viên được Quân đội, Công an đóng bảo hiểm y tế

Sau khi tốt nghiệp, học viên được bố trí công tác và được giao thực hiện nhiệm vụ phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

## II. CÔNG TÁC TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO TRONG CÁC TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

## 1. Hệ thống nhà trường trong Quân đội

Các học viện: Học viện Quốc phòng, Học viện Lục quân, Học viện Chính trị, Học viện Kỹ thuật Quân sự (Trường Đại học Kỹ thuật Lê Quý Đôn), Học viện Quân y (Trường Đại học Y, Dược Lê Hữu Trác), Học viện Khoa học Quân sự, Học viện Phòng không - Không quân, Học viện Hải quân, Học viện Biên phòng, Học viện Hậu cần.

Các trường sĩ quan, đại học: Trường Sĩ quan Lục quân 1 (Trường Đại học Trần Quốc Tuấn). Trường Sĩ quan Lục quân 2 (Trường Đại học Nguyễn Huệ), Trường Sĩ quan Chính trị (Trường Đại học Chính trị), Trường Sĩ quan Công binh (Trường Đại học Ngô Quyền), Trường Sĩ quan Thông tin (Trường Đại học Thông tin liên lạc), Trường Sĩ quan Pháo binh, Trường Sĩ quan Không quân, Trường Sĩ quan Đặc công, Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp, Trường Sĩ quan Phòng hoá, Trường Sĩ quan Kỹ thuật quân sự, Trường Đại học Văn hoá Nghệ thuật Quân đội

- Các trường cao đẳng: Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng, Trường Cao đẳng Công nghệ và Kỹ thuật Mật mã, Trường Cao đẳng Trinh sát

Các trường trung cấp chuyên nghiệp. Trường Trung cấp 24 Biên phòng, Trường Trung cấp Kỹ thuật Công binh, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tăng - Thiết giáp

Chú ý: Học viện Quốc phòng, Học viện Lục quân, Học viện Chính trị và các trường trung cấp chuyên nghiệp không tuyển sinh học sinh phổ thông

## 2. Tuyển sinh đào tạo cán bộ cấp phân đội trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy

### a) Đối tượng tuyển sinh

- Thanh niên ngoài Quân đội.

Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ quân sự, có thời gian phục vụ tại ngũ đủ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 4 năm tuyển sinh), quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng phục vụ trong Quân đội đà 12 tháng trở lên (tính đến tháng 9 năm tuyển sinh)

### b) Tiêu chuẩn tuyển sinh

- Tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức: Theo quy định của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Tiêu chuẩn về văn hoá (tính đến thời điểm xét tuyển): Đã tốt nghiệp trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiêu chuẩn về độ tuổi (tính đến năm dự tuyển): Thanh niên ngoài Quân đội không quá 21 tuổi, quân nhân tại ngũ hoặc đã xuất ngũ và công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân không quá 23 tuổi

- Tiêu chuẩn về sức khoẻ: Theo quy định hiện hành của Bộ Quốc phòng và các hướng dẫn có liên quan.

### c) Các phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển học sinh giỏi cấp trung học phổ thông - Xét tuyển từ kết quả kì thi đánh giá năng lực do các trường đại học trong nước tổ chức. - Xét tuyển từ kí thi đánh giá năng lực do Bộ Quốc phòng tổ chức

- Xét tuyển dựa vào kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức

- Xét tuyển dựa vào học bạ trung học phổ thông.

Hằng năm, căn cứ thực tiễn công tác tuyển sinh để xác định tỉ lệ xét tuyển theo từng phương thức phù hợp với đối tượng, chương trình đào tạo của từng trường

### d) Sơ tuyển

- Tất cả thí sinh dự tuyển đều phải qua sơ tuyển

Nội dung, cách thức đăng kí sơ tuyển, thẩm tra, xác minh lí lịch, khám sức khoẻ, chụp ảnh, kê khai, nộp hồ sơ đăng kí sơ tuyển, tổ chức thẩm định, xét duyệt hồ sơ sơ tuyển, công khai kết quả sơ tuyển thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Chú ý: Các trường tuyển sinh, phương thức, khu vực, chỉ tiêu, hồ sơ đăng kí tuyển sinh, ưu tiên trong tuyển sinh, tổ chức kì thi, tổ chức xét tuyển, xét duyệt điểm chuẩn, công bố kết quả tuyển sinh, báo gọi nhập học, hậu kiểm kết quả tuyển sinh và các nội dung khác trong tuyển sinh đào tạo cán bộ cấp phân đội trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn hằng năm của Bộ Quốc phòng.

### 3. Các trình độ và một số ngành đào tạo trong các trường Quân đội

### a) Các trình độ được đào tạo

Học viên các trường Quân đội được học các nội dung về chính trị, kĩ - chiến thuật theo chuyên ngành, đồng thời được rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong, nếp sống, thể lực theo mục tiêu yêu cầu đào tạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao khi ra trường.

### b) Một số ngành đào tạo trong một số trường Quân đội

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên trường** | **Một số ngành đào tạo** |
| Học viện Kỹ thuật Quân sự | Chỉ huy quân là kĩ thuật: Kĩ thuật, Khoa học máy tính |
| Học viện Quân y | Bác sĩ đa khoa, Y khoa Y học dự phòng, Dược học |
| Học viện Khoa học Quân sự | Quan hệ quốc tế Ngôn ngữ (Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc Trinh sát kĩ thuật) |
| Học viện Phòng không - Không quân | Chỉ huy tham mưu Phòng không. Không quân và Tác chiến điện tử Kĩ thuật hàng không |
| Học viện Hải quân | Chỉ huy tham mưu Hải quân, Khoa học hàng hải, Công nghệ kĩ thuật điều khiển và tự động hoá |
| Học viện Biên phòng | Biên phòng (Quản lý biên giới, Chỉ huy trinh sát, Chỉ huy cửa khẩu. |
| Học viện Hậu cần | Hậu cần quân sự (Chỉ huy hậu cần, Quân nhu Vận tải, Xăng dầu) |
| Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2 | Chỉ huy tham mưu Lục quân (Bộ binh, Trinh sát) |
| Trường Sĩ quan Chính trị | Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Triết học Lịch sử, Tâm lí học Giáo dục học |
| Trường Sĩ quan Công binh | Chỉ huy kĩ thuật Công binh: Công trình, Cầu đường |
| Trường Sĩ quan Thông tin | Chỉ huy tham mưu, Thông tin Chỉ huy tác chiến Không gian mạng: Thông tin Lục quân |
| Trường Sĩ quan Pháo binh | Chỉ huy Tham mưu Pháo binh |
| Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp | Chỉ huy tham mưu Tăng - Thiết giáp, Chỉ huy Kĩ thuật Tăng - Thiết giáp |
| Trường Sĩ quan Không quân | Chỉ huy tham mưu Không quân (Phi công quân sự, Kĩ thuật hàng không) |
| Trường Sĩ quan Đặc công | Chỉ huy tham mưu Đặc công (Đặc công bộ, Đặc công nước, Đặc công biệt động) |
| Trường Sĩ quan Phòng hoà | Chỉ huy kĩ thuật Hóa học |
| Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự | Chỉ huy quân lí thuật (Kĩ sư quân sự, sĩ quan kỹ thuật). |
| Trường Đại học Văn hoá Nghệ thuật Quân đội | Sân khấu, Sáng tác âm nhạc, Biểu diễn nhạc cụ, Chỉ huy dàn nhạc |

## **III. CÔNG TÁC TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO TRONG CÁC TRƯỜNG CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM**

## 1. Hệ thống nhà trường trong Công an

Hệ thống nhà trường trong Công an nhân dân gồm.

Các học viện: Học viện An ninh nhân dân, Học viện Cảnh sát nhân dân, Học viện Chính trị Công an nhân dân, Học viện Quốc tế

- Các trường đại học: Trường Đại học An ninh nhân dân 1, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an nhân dân.

- Các trường cao đẳng: Trường Cao đẳng An ninh nhân dân 1, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

- Trường Văn hoá.

Chú ý: Các học viện, trường đại học, trường cao đẳng trong Công an đều tuyển sinh học sinh trung học phổ thông.

## 2. Tuyển sinh đào tạo trình độ đại học chính quy tuyển mới

### a) Đối tượng tuyển sinh

Công dân thường trú tại địa phương nơi đăng kí sơ tuyển.

- Học sinh Trường Văn hoá.

- Chiến sĩ nghĩa vụ Công an.

- Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân có quyết định xuất ngũ trong vòng 12 tháng tỉnh đến tháng dự tuyển.

### b) Tiêu chuẩn tuyển sinh

Tiêu chuẩn chung: Bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật và của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, sức khoẻ tuyển vào Công an nhân dân theo quy định hiện hành của Bộ Công an, có khả năng giữ bình tĩnh, nhanh nhẹn, có trí nhớ tốt, tư duy logic và những phẩm chất khác theo yêu cầu của từng hệ lực lượng nghiệp vụ trong Công an nhân dân (nếu có). Ngoài tiêu chuẩn chung, tùy đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng các yêu cầu về độ tuổi, kết quả học tập, rèn luyện trong những năm học ở cấp trung học phổ thông, thời gian, kết quả xếp loại công tác theo quy định của Bộ Công an

### c) Các phương thức tuyển sinh

- Thi tuyển.

- Xét tuyển.

Kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

Trường Công an nhân dân xác định phương thức tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hướng dẫn tuyển sinh hàng năm của Bộ Công an.

### đ) Sơ tuyển

- Tất cả thí sinh dự tuyển phải tham gia sơ tuyển.

Nội dung sơ tuyển (kiểm tra thông tin cá nhân, bằng tốt nghiệp và học bạ trung học phổ thông, phẩm chất đạo đức và quá trình học tập, công tác, kiểm tra sức khoẻ, năng khiếu, thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị, chụp ảnh thí sinh) và công khai kết quả sơ tuyển thực hiện theo quy định của Bộ Công an

Chú ý: Các trường tuyển sinh, khu vực tuyển sinh, hồ sơ đăng kí dự tuyển, hồ sơ đăng kí tuyển sinh, ưu tiên trong tuyển sinh, tổ chức thi tuyển, xét tuyển và các quy định khác trong tuyển sinh đào tạo trình độ đại học chính quy tuyển mới thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn hằng năm của Bộ Công an.

## 3. Các trình độ và một số ngành đào tạo trong trường Công an

### a) Các trình độ được đào tạo

Các trình độ trung cấp, cao đẳng. đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo theo quy định đối với từng trường cao đẳng, trường đại học, học viện trong Công an nhân dân

### b) Một số ngành đào tạo trong một số trường Công an

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên trường** | **Một số nghành đào tạo** |
| Học viện An ninh nhân dân | An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao |
| Học viện An ninh nhân dân, Trường Đại học An ninh nhân dân, Trường Cao đẳng An ninh nhân dân 1 | Nghiệp vụ an ninh |
| Học viện Cảnh sát nhân dân, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân t Học viện Chính trị Công an nhân dân | Nghiệp vụ cảnh sát |
| Học viện Quốc tế | Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc |
| Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an nhân dân | Hậu cần Công an nhân dân; Kĩ thuật Công an nhân dân, Trinh sát kĩ thuật |
| Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy | Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ |

Học viên các trường Công an được học tập về chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, pháp luật, ngoại ngữ, tin học, kiến thức, kĩ năng về quốc phòng, an ninh, nghiệp vụ Công an và các môn học đặc thù, võ thuật và các kĩ năng cần thiết khác.

## IV. CÔNG TÁC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP QUÂN SỰ, CÔNG AN

## 1. Công tác định hướng của nhà trường và gia đình

Cơ sở giáo dục trung học phổ thông phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức tư vấn cho học sinh, phụ huynh học sinh về các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc và các môn học, chuyên đề học tập tự chọn trong chương trình giáo dục phổ thông làm cơ sở cho học sinh định hướng nghề nghiệp trong tương lai, trong đó có nghề nghiệp quân sự, công an.

Cơ sở giáo dục trung học phổ thông phối hợp với các trường Quân đội, Công an tổ chức các hoạt động ngoại khoá, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh tìm hiểu về truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, hệ thống nhà trường, các ngành được đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của học viên trong các trường Quân đội, Công an.

## 2. Công tác định hướng của các trường Quân đội, Công an

Hằng năm, công tác định hướng nghề nghiệp, tuyển sinh và chiêu sinh được tổ chức thông tin, tuyên truyền công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử (trang thông tin điện tử) của các trường Quân đội, Công an, đồng thời tổ chức trực tiếp tại các cơ sở giáo dục phổ thông, các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Quân đội, Công an.

Tham gia các hoạt động thông tin tuyên truyền của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng, Ban Tuyển sinh quân sự các cấp, Hội đồng Tuyển sinh của các trường trong Quân đội, Công an, các cơ sở giáo dục trung học phổ thông và các tổ chức khác

Nội dung thông tin, tuyên truyền bao gồm các lĩnh vực, ngành, nghề và trình độ được đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của học viên, quy định về chi tiêu, đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển, phương thức tuyển sinh, ngành, chuyên ngành đào tạo, môn thi tuyển sinh, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, thủ tục hồ sơ, mức thu dịch vụ tuyển sinh, thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ, thi tuyển, xét tuyển, nhập học, vào các trường Quân đội, Công an.

# CÂU HỎI ÔN TẬP BÀI 3.

1. Điều kiện để thí sinh đăng ký tuyển sinh vào các trường thuộc hệ thống Quân đội là gì?

A. Không cần điều kiện cụ thể. B. Phải có lý lịch chính trị rõ ràng.

C. Chỉ cần đạt điểm cao trong kỳ thi THPT. D. Không có yêu cầu về sức khỏe.

1. Thí sinh muốn đăng ký tuyển sinh vào các trường Công an Nhân dân phải có học lực trung bình tối thiểu là gì?

A. Khá. B. Giỏi. C. Trung bình. D. Xuất sắc.

1. Quá trình tuyển sinh vào các trường Quân đội bao gồm các bước nào sau đây?

A. Chỉ xét tuyển học bạ. B. Kiểm tra sức khỏe, lý lịch và thi tuyển.

C. Chỉ cần đăng ký trực tuyến. D. Không cần kiểm tra sức khỏe.

1. Thí sinh dự tuyển vào các trường Công an Nhân dân cần đạt yêu cầu gì về thể lực?

A. Không cần yêu cầu cụ thể. B. Phải đạt tiêu chuẩn về chiều cao và cân nặng.

C. Chỉ cần đạt điểm cao trong kỳ thi THPT. D. Không cần kiểm tra thể lực.

1. Một trong những tiêu chí quan trọng để được xét tuyển vào các trường Quân đội là gì?

A. Không cần quan tâm đến lý lịch. B. Phải có lý lịch chính trị rõ ràng và trong sạch.

C. Chỉ cần đạt điểm cao trong kỳ thi THPT. D. Không cần kiểm tra sức khỏe.

1. Khi đăng ký dự tuyển vào các trường Công an Nhân dân, thí sinh cần thực hiện bước nào sau đây?

A. Chỉ cần nộp đơn online. B. Phải qua vòng sơ tuyển tại Công an địa phương.

C. Không cần sơ tuyển. D. Chỉ cần đăng ký tại trường.

1. Thời gian nộp hồ sơ tuyển sinh vào các trường Quân đội thường bắt đầu vào thời điểm nào?

A. Cuối năm. B. Đầu năm học mới. C. Giữa năm. D. Cuối tháng 12.

1. Các trường Công an Nhân dân yêu cầu thí sinh đạt tiêu chuẩn nào về đạo đức?

A. Không có yêu cầu. B. Phải có đạo đức tốt.

C. Chỉ cần không có tiền án tiền sự. D. Chỉ cần điểm thi cao.

1. Thí sinh dự tuyển vào các trường Quân đội cần phải trải qua kỳ thi nào?

A. Thi đánh giá năng lực. B. Kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia.

C. Thi viết luận. D. Thi kiểm tra thể lực.

1. Một trong những yêu cầu đặc biệt khi tuyển sinh vào các trường Công an Nhân dân là gì?

A. Không cần yêu cầu đặc biệt. B. Phải là Đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

C. Chỉ cần đạt điểm cao trong kỳ thi THPT. D. Không cần kiểm tra sức khỏe.

1. Thí sinh muốn đăng ký vào các trường Quân đội cần nộp hồ sơ tại đâu?

A. Tại trường trung học phổ thông. B. Tại Ban chỉ huy quân sự địa phương.

C. Tại Bộ Quốc phòng. D. Tại ủy ban nhân dân xã/phường.

1. Điều kiện sức khỏe nào là cần thiết để dự tuyển vào các trường Công an Nhân dân?

A. Không cần điều kiện sức khỏe. B. Không bị bệnh mãn tính hoặc truyền nhiễm.

C. Chỉ cần đạt điểm cao trong kỳ thi THPT. D. Không cần kiểm tra sức khỏe.

1. Thí sinh nữ muốn dự tuyển vào các trường Quân đội cần đáp ứng yêu cầu gì về chiều cao tối thiểu?

A. 1m50. B. 1m55. C. 1m60. D. 1m45.

1. Các trường Công an Nhân dân yêu cầu thí sinh phải có gì để được xét tuyển?

A. Không cần điều kiện cụ thể. B. Hộ khẩu thường trú rõ ràng.

C. Chỉ cần đạt điểm cao trong kỳ thi THPT. D. Không cần kiểm tra lý lịch.

1. Thí sinh nam muốn dự tuyển vào các trường Quân đội cần đáp ứng yêu cầu gì về chiều cao tối thiểu?

A. 1m60. B. 1m65. C. 1m70. D. 1m55.

1. Yêu cầu về thị lực đối với thí sinh dự tuyển vào các trường Công an Nhân dân là gì?

A. Không cần kiểm tra thị lực. B. Thị lực tối thiểu 10/10.

C. Chỉ cần đạt điểm cao trong kỳ thi THPT. D. Thị lực tối thiểu 7/10.

1. Thí sinh dự tuyển vào các trường Quân đội cần chuẩn bị những giấy tờ gì?

A. Chỉ cần bảng điểm. B. Giấy khai sinh, học bạ, giấy chứng nhận sức khỏe.

C. Chỉ cần giấy khai sinh. D. Chỉ cần giấy chứng nhận sức khỏe.

1. Các trường Công an Nhân dân có yêu cầu gì về quốc tịch của thí sinh?

A. Không cần yêu cầu quốc tịch. B. Phải là công dân Việt Nam.

C. Có thể là công dân nước ngoài. D. Không có yêu cầu rõ ràng.

1. Thí sinh muốn đăng ký tuyển sinh vào các trường Quân đội phải trải qua kiểm tra gì?

A. Không cần kiểm tra. B. Kiểm tra lý lịch, sức khỏe và thể lực.

C. Chỉ cần kiểm tra học lực. D. Chỉ cần kiểm tra thể lực.

1. Thí sinh dự tuyển vào các trường Công an Nhân dân cần đạt yêu cầu gì về học lực trong các năm học trung học phổ thông?

A. Trung bình. B. Khá trở lên. C. Yếu. D. Xuất sắc.

1. Học viện Quốc phòng có nhiệm vụ gì?

A. Đào tạo sĩ quan kỹ thuật. B. Đào tạo cán bộ cao cấp cho Quân đội.

C. Đào tạo sĩ quan hải quân. D. Đào tạo y sĩ quân y.

1. Học viện Kỹ thuật Quân sự chuyên đào tạo gì?

A. Cán bộ chính trị. B. Kỹ sư và sĩ quan kỹ thuật.

C. Chuyên gia an ninh mạng. D. Bác sĩ quân y.

1. Trường Sĩ quan Lục quân 1 nằm ở đâu?

A. Thành phố Hồ Chí Minh. B. Hà Nội.

C. Đà Nẵng. D. Cần Thơ.

1. Học viện Hậu cần chuyên đào tạo gì?

A. Cán bộ kỹ thuật. B. Cán bộ hậu cần.

C. Cán bộ chính trị. D. Sĩ quan hải quân.

1. Trường Sĩ quan Lục quân 2 có trụ sở chính ở đâu?

A. Hà Nội. B. Đồng Nai. C. Hải Phòng. D. Nha Trang.

1. Học viện Hải quân nằm ở đâu?

A. Hà Nội. B. Nha Trang. C. Hải Phòng. D. Đà Nẵng.

1. Học viện Biên phòng đào tạo cán bộ cho lực lượng nào?

A. Hải quân. B. Bộ đội Biên phòng. C. Không quân. D. Lục quân.

1. Học viện Quân y chuyên đào tạo gì?

A. Sĩ quan hậu cần. B. Bác sĩ và nhân viên y tế quân y.

C. Cán bộ chính trị. D. Sĩ quan kỹ thuật.

1. Trường Sĩ quan Không quân có nhiệm vụ gì?

A. Đào tạo sĩ quan hải quân. B. Đào tạo sĩ quan không quân.

C. Đào tạo cán bộ hậu cần. D. Đào tạo cán bộ kỹ thuật.

1. Học viện Khoa học Quân sự chuyên đào tạo gì?

A. Sĩ quan hậu cần. B. Chuyên gia nghiên cứu khoa học quân sự.

C. Sĩ quan chính trị. D. Cán bộ kỹ thuật.

1. Học viện An ninh Nhân dân có nhiệm vụ gì?

A. Đào tạo cán bộ hậu cần. B. Đào tạo cán bộ an ninh.

C. Đào tạo sĩ quan hải quân. D. Đào tạo cán bộ chính trị.

1. Học viện Cảnh sát Nhân dân chuyên đào tạo gì?

A. Cán bộ hậu cần. B. Sĩ quan cảnh sát.

C. Cán bộ an ninh. D. Cán bộ y tế.

1. Trường Đại học Phòng cháy Chữa cháy nằm ở đâu?

A. Thành phố Hồ Chí Minh. B. Hà Nội.

C. Đà Nẵng. D. Cần Thơ.

1. Học viện Chính trị Công an Nhân dân chuyên đào tạo gì?

A. Cán bộ kỹ thuật. B. Cán bộ chính trị và lãnh đạo.

C. Cán bộ hậu cần. D. Sĩ quan cảnh sát.

1. Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an Nhân dân có trụ sở chính ở đâu?

A. Hà Nội. B. Bắc Ninh. C. Hải Phòng. D. Nha Trang.

1. Học viện Quốc tế nằm trong hệ thống trường công an Việt Nam có nhiệm vụ gì?

A. Đào tạo sĩ quan an ninh. B. Đào tạo cán bộ làm việc trong lĩnh vực đối ngoại và hợp tác quốc tế.

C. Đào tạo sĩ quan cảnh sát. D. Đào tạo cán bộ hậu cần.

1. Trường Cao đẳng An ninh Nhân dân I đào tạo cán bộ cho lực lượng nào?

A. Hải quan. B. Công an. C. Biên phòng. D. Quân đội.

1. Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II có trụ sở chính ở đâu?

A. Hà Nội. B. Đồng Nai. C. Hải Phòng. D. Đà Nẵng.

1. Học viện Hậu cần Công an Nhân dân chuyên đào tạo gì?

A. Sĩ quan kỹ thuật. B. Cán bộ hậu cần.

C. Cán bộ an ninh. D. Sĩ quan cảnh sát.

1. Trường Đại học An ninh Nhân dân có nhiệm vụ gì?

A. Đào tạo sĩ quan hậu cần. B. Đào tạo cán bộ an ninh.

C. Đào tạo cán bộ kỹ thuật. D. Đào tạo cán bộ chính trị.

1. Học viên tốt nghiệp Học viện Quốc phòng đạt trình độ nào?

A. Trung cấp. B. Cao cấp. C. Sơ cấp. D. Đại học.

1. Sinh viên tốt nghiệp Học viện Kỹ thuật Quân sự được cấp bằng gì?

A. Cử nhân. B. Kỹ sư. C. Thạc sĩ. D. Tiến sĩ.

1. Học viên tốt nghiệp Học viện An ninh Nhân dân đạt trình độ nào?

A. Trung cấp. B. Đại học. C. Sơ cấp. D. Cao cấp.

1. Sinh viên tốt nghiệp Trường Sĩ quan Lục quân 1 được phong quân hàm gì?

A. Hạ sĩ. B. Thiếu úy. C. Trung sĩ. D. Thượng úy.

1. Học viên tốt nghiệp Học viện Cảnh sát Nhân dân đạt trình độ nào?

A. Trung cấp. B. Đại học. C. Sơ cấp. D. Cao cấp.

1. Sinh viên tốt nghiệp Học viện Hậu cần được cấp bằng gì?

A. Cử nhân. B. Kỹ sư hậu cần. C. Thạc sĩ. D. Tiến sĩ.

1. Học viên tốt nghiệp Trường Đại học Phòng cháy Chữa cháy đạt trình độ nào?

A. Trung cấp. B. Đại học. C. Sơ cấp. D. Cao cấp.

1. Sinh viên tốt nghiệp Học viện Hải quân được phong quân hàm gì?

A. Hạ sĩ. B. Thiếu úy. C. Trung sĩ. D. Thượng úy.

1. Học viên tốt nghiệp Học viện Quân y đạt trình độ nào?

A. Trung cấp. B. Bác sĩ. C. Sơ cấp. D. Kỹ sư.

1. Sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an Nhân dân được cấp bằng gì?

A. Cử nhân. B. Kỹ sư kỹ thuật hậu cần. C. Thạc sĩ. D. Tiến sĩ

# BÀI 4: PHÒNG, CHỐNG CHIẾN LƯỢC DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH VÀ BẠO LOẠN LẬT ĐỔ

## I. KHÁI NIỆM VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH" VÀ BẠO LOẠN LẬT ĐỔ

## 1. Khái niệm

### a) Chiến lược “diễn biến hoà bình"

“Diễn biến hoà bình" là chiến lược cơ bản do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành, nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa từ bên trong, chủ yếu bằng các biện pháp phi quân sự.

### b) Bạo loạn lật đổ

- Bạo loạn lật đổ là hành động chống phá bằng bạo lực có tổ chức do lực lượng phản động hay lực lượng li khai, lực lượng đối lập trong nước hoặc cấu kết với nước ngoài tiến hành nhằm gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hoặc lật đổ chính quyền ở địa phương hay Trung ương.

- Giữa chiến lược “diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ có mối quan hệ biện chứng, có tác động và ảnh hưởng lẫn nhau. "Diễn biến hoà bình" làm cho đối phương suy yếu về tư tưởng, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng và an ninh.... tạo cơ sở tiền đề và thời cơ để bạo loạn lật đổ diễn ra.

- Bạo loạn lật đổ là hệ quả tất yếu đồng thời là nhân tố thúc đẩy “ diễn biến hoà bình diễn ra nhanh hơn, mạnh hơn, quyết liệt hơn, gây ra hậu quả nặng nề hơn. Bạo loạn lật đổ thực hiện mục tiêu cuối cùng của chiến lược “diễn biến hoà bình”

## II. ÂM MƯU, THỦ ĐOẠN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

## 1. Âm mưu, thủ đoạn thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình"

### a) Âm mưu

Xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa và lái nước ta đi theo qũy đạo tư bản chủ nghĩa, tiến tới xóa bỏ hoàn toàn chế độ xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới

### b) Thủ đoạn

Chiến lược diễn biến hòa bình” tiến hành các hoạt động phá hoại tổng hợp về tư tưởng, chính trị xã hội, kinh tế quốc phòng và an ninh, văn hoá, trong đó có một số nội dung sau:

- Về tư tưởng: Tuyên truyền xuyên tạc chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kêu gọi thực hiện "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập” tác động chuyển hoá những phần tử xấu, thoái hoá, bất mãn trong hệ thống chính trị và trong xã hội, lợi dụng các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan nhân đạo nước ngoài ở Việt Nam, lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền để chống Việt Nam

- Về chính trị, xã hội: Phân hóa, chia rẽ hàng ngũ cán bộ trong Chính phủ Việt Nam, tạo phân hoá giữa lối sống của cán bộ, đảng viên với quần chúng, nhân dân lao động, tập hợp, nuôi dưỡng các tổ chức phản động lưu vong người Việt, móc nối, chỉ đạo các phần tử phản động chống chính quyền, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo

- Về kinh tế: Phá hoại các chính sách kinh tế của Việt Nam, hình thành các liên minh về kinh tế giữa các nước lớn để gây sức ép với Việt Nam, đưa ra các luật chống phá kinh tế, kéo dài các dự luật trừng phạt kinh tế, tạo khủng hoảng ngân hàng, tài chính gây bức xúc, bất công trong các cơ sở kinh tế với nước ngoài hoặc liên doanh

- Về quốc phòng và an ninh: Xuyên tạc để xoá bỏ hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ", gây mâu thuẫn, chia rẽ quân với dân, quân đội với công an, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lực lượng vũ trang, trước hết là đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, tổ chức các cuộc diễn tập, tập trận lớn với sự tham gia của một số quốc gia trong khu vực, tăng cường bố trí lực lượng, phương tiện quân sự tại khu vực nhằm gây sức ép với Việt Nam.

- Về văn hoá, giáo dục: Làm rối loạn hệ thống giá trị đích thực của nền văn hoá Việt Nam, thúc đẩy cải cách văn nghệ, báo chí, xuất bản, truyền thông, giáo dục, đào tạo theo khuynh hướng cực đoan, đối lập. Lợi dụng các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là các trang mạng xã hội và internet để bôi nhọ, xuyên tạc lãnh đạo Đảng, Nhà nước, thông tin sai sự thật, làm nóng các vấn đề xã hội, truyền bá lối sống hưởng thụ, phát tán các tác phẩm phản động, đồi trụy, tuyên truyền, lôi kéo, tập hợp lực lượng đối lập

## 2. Âm mưu, thủ đoạn thực hiện bạo loạn lật đổ

### a) Âm mưu

Gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, từ đó lật đổ chính quyền ở địa phương hay Trung ương.

### b) Thủ đoạn

Chuẩn bị gây bạo loạn lật đổ

Lợi dụng các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là mạng xã hội kích động tư tưởng chống chính quyền, xuyên tạc, thổi phồng những tiêu cực trong đời sống xã hội, sự gia tăng phân hoá, phân tầng xã hội, diễn biến phức tạp của vấn đề tôn giáo, dân tộc, an ninh nông thôn,

+ Lôi kéo, mua chuộc, lừa bịp, ép buộc quần chúng, nhân dân lao động biểu tình trái pháp luật, chống chính quyền địa phương, cấu kết các thế lực thù địch ở nước ngoài với các thế lực thù địch ở trong nước, hình thành lực lượng vũ trang bạo loạn, lực lượng cầm đầu

+ Mua sắm, tàng trữ vũ khí, phương tiện bằng cách móc nối với cán bộ trong nội bộ, các thế lực thù địch ở nước ngoài, chuẩn bị tài chính thông qua quyên góp từ các đối tượng chủ mưu, cầm đầu, nhận từ các đối tượng thù địch, xây dựng kế hoạch gây bạo loạn lật đổ, chờ thời cơ tiến hành bạo loạn lật đổ

- Lợi dụng thời cơ khi tình hình chính trị quốc tế, khu vực, các mước láng giềng có biến động, trong nước diễn ra các sự kiện chính trị lớn, khi xảy ra gây rồi an ninh, trật tự xã hội để thực hiện kế hoạch bạo loạn lật đổ.

+ Tiến hành bạo loạn từ nhỏ đến vừa và lớn, trước hết là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo, tập trung đánh chiếm trụ sở chính quyền các cấp, trung tâm thông tin, tài chính, ngân hàng, các đầu mối giao thông

+ Mở rộng phạm vi bạo loạn bằng cách tiếp tục tập hợp lực lượng, câu kết với các đối tượng thù địch ở các địa bàn khác, quốc tế hoá vụ bạo loạn

- Lợi dụng ưu thế truyền tin nhanh, rộng rãi của các phương tiện thông tin đại chúng. đặc biệt là các trang mạng xã hội để đưa tin, xuyên tạc, bóp méo sự thật nhằm gây bức xúc xã hội khi bạo loạn lật đổ vừa xảy ra

## III. PHÒNG, CHỐNG CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ

## 1. Một số giải pháp phòng, chống chiến lược “diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ

- Tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, âm mưu, thủ đoạn và cách phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch tại địa phương, trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là trên các trang mạng xã hội.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, thực hiện tốt chính sách văn hoá đối với tôn giáo, dân tộc thiểu số.

- Chủ động hội nhập quốc tế, phát triển quan hệ với các nước, nhất là các nước đối tác chiến lược, đối tác toàn diện.

- Phòng ngừa không để xảy ra điểm nóng, khi xảy ra điểm nóng, giải quyết dứt điểm, nhanh gọn, không để bùng phát lan rộng, kéo dài

2. Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống chiến lược “diễn biến hoà bình". bạo loạn lật đổ

- Tham gia học tập đầy đủ, nghiêm túc các hoạt động giáo dục, tuyên truyền do nhà trường và địa phương tổ chức để nâng cao nhận thức, khả năng nhận diện đối tượng thực hiện âm mưu, thủ đoạn chiến lược “diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là các trang mạng xã hội.

- Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, luôn cảnh giác để không bị kích động, lợi dụng, lôi kéo, không tụ tập gây mất trật tự công cộng hoặc tham gia biểu tình trái pháp luật.

- Thực hiện các hành vi và ứng xử trên mạng xã hội đúng quy định của pháp luật, phù hợp với các giá trị đạo đức, văn hoá, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tuân thủ các quy định về bảo vệ an toàn và bảo mật thông tin, tuyệt đối không thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng.

- Phát hiện, cung cấp cho nhà trường và địa phương nơi cư trú thông tin về các hành vi sử dụng không gian mạng để đăng tải, phát tán nội dung phản động, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm tôn giáo, kích động gây bạo loạn, xúi giục, lôi kéo người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, làm nhục, vu khống, bịa đặt, thông tin sai sự thật gây hoang mang trong nhân dân

- Không xem, nghe, đồng tình, chia sẻ, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và các trang mạng xã hội những thông tin xấu, độc, tiếp tay cho các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam

- Tích cực, chủ động tham gia và vận động bạn bè, người thân, cộng đồng đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, tư tưởng thù địch, phản động chống phá cách mạng Việt Nam trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như ở địa phương.

# CÂU HỎI ÔN TẬP BÀI 4

Câu 1: Chiến lược "diễn biến hòa bình" là gì?

A. Chiến lược quân sự. B. Chiến lược phi quân sự nhằm thay đổi chế độ.

C. Chiến lược kinh tế. D. Chiến lược văn hóa.

Câu 2: Mục tiêu của "diễn biến hòa bình" là gì?

A. Tăng cường hợp tác quốc tế. B. Lật đổ chế độ chính trị từ bên trong.

C. Phát triển kinh tế. D. Tăng cường quan hệ ngoại giao.

Câu 3: Một trong những biện pháp chính để phòng, chống "diễn biến hòa bình" là gì?

A. Tăng cường hợp tác kinh tế. B. Nâng cao nhận thức chính trị cho nhân dân.

C. Phát triển công nghệ thông tin. D. Tăng cường du lịch.

Câu 4: Bạo loạn lật đổ là gì?

A. Biện pháp ngoại giao. B. Hành động bạo lực nhằm lật đổ chính quyền.

C. Chiến lược phát triển kinh tế D. Hoạt động văn hóa.

Câu 5: Mục tiêu của "bạo loạn lật đổ" là gì?

A. Tăng cường an ninh quốc gia. B. Lật đổ chính quyền hiện tại.

C. Phát triển kinh tế. D. Tăng cường hợp tác quốc tế.

Câu 6: Một trong những biện pháp phòng, chống bạo loạn lật đổ là gì?

A. Tăng cường du lịch. B. Xây dựng lực lượng vũ trang mạnh mẽ.

C. Phát triển công nghệ. D. Tăng cường văn hóa.

Câu 7: Tại sao "diễn biến hòa bình" được coi là nguy hiểm đối với cách mạng Việt Nam?

A. Làm suy yếu kinh tế. B. Gây mất ổn định chính trị và xã hội.

C. Phát triển công nghệ thông tin. D. Tăng cường hợp tác quốc tế.

Câu 8: Một trong những yếu tố giúp chống lại "diễn biến hòa bình" là gì?

A. Phát triển du lịch. B. Nâng cao ý thức cảnh giác của nhân dân.

C. Mở rộng thương mại. D. Tăng cường văn hóa.

Câu 9:Lực lượng nào có vai trò quan trọng trong phòng, chống bạo loạn lật đổ?

A. Lực lượng văn hóa. B. Lực lượng vũ trang.

C. Lực lượng kinh tế. D. Lực lượng du lịch.

Câu 10:Chiến lược "diễn biến hòa bình" thường sử dụng các phương tiện gì để thực hiện mục tiêu?

A. Phương tiện du lịch. B. Phương tiện truyền thông và thông tin.

C. Phương tiện văn hóa. D. Phương tiện kinh tế.

Câu 11: Một trong những biện pháp quan trọng để nâng cao khả năng phòng, chống "diễn biến hòa bình" là gì?

A. Tăng cường du lịch. B. Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên.

C. Phát triển công nghệ. D. Tăng cường văn hóa.

Câu 12: "Diễn biến hòa bình" có thể gây ra hậu quả gì cho quốc gia?

A. Phát triển kinh tế mạnh mẽ. B. Gây rối loạn và mất ổn định xã hội.

C. Tăng cường hợp tác quốc tế. D. Tăng cường văn hóa.

Câu 13: Công tác phòng, chống "diễn biến hòa bình" cần tập trung vào đối tượng nào?

A. Khách du lịch. B. Cán bộ, đảng viên và nhân dân.

C. Các nhà khoa học. D. Các nghệ sĩ.

Câu 14: Một trong những biện pháp để phát hiện và ngăn chặn "bạo loạn lật đổ" là gì?

A. Tăng cường du lịch. B. Theo dõi và kiểm soát các hoạt động chống phá.

C. Phát triển kinh tế. D. Tăng cường văn hóa.

Câu 15: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" và "bạo loạn lật đổ" cần kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng nào?

A. Lực lượng kinh tế và văn hóa. B. Lực lượng vũ trang và nhân dân.

C. Lực lượng du lịch và giáo dục. D. Lực lượng văn hóa và thông tin.

Câu 16:Một trong những biện pháp nâng cao nhận thức về phòng, chống "diễn biến hòa bình" ?

A. Tăng cường du lịch. B. Tuyên truyền, giáo dục cho người dân về các âm mưu và thủ đoạn của đối phương.

C. Phát triển công nghệ. D. Tăng cường văn hóa.

Câu 17: Lực lượng nào đóng vai trò nòng cốt trong phòng, chống "diễn biến hòa bình" và "bạo loạn lật đổ"?

A. Lực lượng văn hóa. B. Lực lượng công an và quân đội.

C. Lực lượng kinh tế. D. Lực lượng du lịch.

Câu 18: Một trong những yếu tố quyết định thành công trong công tác phòng, chống "diễn biến hòa bình" là gì?

A. Phát triển du lịch. B. Sự đoàn kết, thống nhất của toàn Đảng, toàn dân.

C. Tăng cường hợp tác quốc tế. D. Tăng cường văn hóa.

Câu 19: "Diễn biến hòa bình" thường tập trung tấn công vào lĩnh vực nào?

A. Du lịch. B. Chính trị, tư tưởng. C. Kinh tế. D. Văn hóa.

Câu 20: Để phòng, chống "diễn biến hòa bình" hiệu quả, cần phải làm gì?

A. Tăng cường phát triển du lịch. B. Nâng cao cảnh giác và chủ động phát hiện, ngăn chặn các âm mưu, hoạt động chống phá.

C. Tăng cường hợp tác kinh tế. D. Tăng cường văn hóa.

Câu 21: Chiến lược "diễn biến hòa bình" và "bạo loạn lật đổ" có mối quan hệ gì với nhau?

A. Không liên quan đến nhau. B. Cùng nhằm lật đổ chế độ chính trị hiện tại.

C. Chỉ tập trung vào phát triển kinh tế. D. Cùng nhằm tăng cường hợp tác quốc tế.

Câu 22: Mục tiêu chung của "diễn biến hòa bình" và "bạo loạn lật đổ" là gì?

A. Tăng cường an ninh quốc gia. B. Thay đổi chế độ chính trị của Việt Nam.

C. Phát triển kinh tế. D. Tăng cường quan hệ ngoại giao.

Câu 23: "Diễn biến hòa bình" thường được thực hiện thông qua các phương tiện gì?

A. Biện pháp quân sự. B. Truyền thông và tuyên truyền.

C. Phát triển kinh tế. D. Tăng cường văn hóa.

Câu 24: "Bạo loạn lật đổ" thường xảy ra khi nào?

A. Khi có sự ổn định chính trị. B. Khi các hoạt động "diễn biến hòa bình" đạt đến mức cao trào.

C. Khi kinh tế phát triển mạnh mẽ. D. Khi có sự hợp tác quốc tế.

Câu 25: Một trong những cách thức "diễn biến hòa bình" có thể dẫn đến "bạo loạn lật đổ" là gì?

A. Tăng cường hợp tác kinh tế. B. Kích động quần chúng và tạo ra sự bất ổn xã hội.

C. Phát triển du lịch. D. Tăng cường văn hóa.

Câu 26: "Diễn biến hòa bình" và "bạo loạn lật đổ" cùng nhằm mục tiêu nào đối với chính quyền Việt Nam?

A. Cải thiện hệ thống giáo dục. B. Làm suy yếu và lật đổ chính quyền.

C. Phát triển hạ tầng. D. Tăng cường hợp tác quốc tế.

Câu 27: Một trong những hậu quả của "diễn biến hòa bình" nếu không được ngăn chặn là gì?

A. Tăng cường quan hệ ngoại giao. B. Dẫn đến "bạo loạn lật đổ".

C. Phát triển kinh tế mạnh mẽ. D. Tăng cường văn hóa.

Câu 28: "Diễn biến hòa bình" thường nhắm vào những đối tượng nào trong xã hội?

A. Người lao động. B. Cán bộ, đảng viên và trí thức.

C. Khách du lịch. D. Học sinh, sinh viên.

Câu 29: Một trong những biện pháp phòng chống "bạo loạn lật đổ" là gì?

A. Tăng cường hợp tác quốc tế. B. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động kích động và chống phá.

C. Phát triển du lịch. D. Tăng cường văn hóa.

Câu 30: Mối quan hệ giữa "diễn biến hòa bình" và "bạo loạn lật đổ" có thể được mô tả như thế nào?

A. Hoàn toàn tách biệt. B. "Diễn biến hòa bình" là giai đoạn chuẩn bị cho "bạo loạn lật đổ".

C. Chỉ liên quan đến kinh tế. D. Chỉ liên quan đến văn hóa.

Câu 31: Một trong những âm mưu chính của chiến lược "diễn biến hòa bình" là gì?

A. Tăng cường hợp tác quốc tế. B. Thay đổi chế độ chính trị từ bên trong.

C. Phát triển kinh tế. D. Tăng cường văn hóa.

Câu 32: Thủ đoạn phổ biến của "diễn biến hòa bình" là gì?

A. Tăng cường du lịch. B. Sử dụng truyền thông để tuyên truyền và kích động.

C. Hợp tác kinh tế D. Phát triển công nghệ.

Câu 33: Âm mưu của các đối tượng thù địch trong chiến lược "bạo loạn lật đổ" là gì?

A. Tăng cường quan hệ ngoại giao. B. Gây mất ổn định chính trị và xã hội.

C. Phát triển hạ tầng. D. Tăng cường giáo dục.

Câu 34: Một trong những thủ đoạn của "diễn biến hòa bình" là gì?

A. Tăng cường thương mại. B. Kích động chia rẽ nội bộ, phá hoại sự đoàn kết.

C. Phát triển văn hóa. D. Tăng cường du lịch.

Câu 35: Các đối tượng thù địch thường lợi dụng yếu tố gì để thực hiện "bạo loạn lật đổ"?

A. Sự phát triển kinh tế. B. Các vấn đề xã hội và bất mãn của người dân.

C. Hợp tác quốc tế. D. Phát triển công nghệ.

Câu 36: Một thủ đoạn quan trọng của chiến lược "diễn biến hòa bình" là gì?

A. Tăng cường hợp tác văn hóa. B. Lợi dụng các vấn đề nhân quyền để can thiệp.

C. Phát triển kinh tế. D. Tăng cường giáo dục.

Câu 37: Các đối tượng thù địch sử dụng công cụ gì để thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình"?

A. Công cụ tài chính. B. Công cụ truyền thông và mạng xã hội.

C. Công cụ quân sự. D. Công cụ văn hóa.

Câu 38: Một trong những mục tiêu của "bạo loạn lật đổ" là gì?

A. Tăng cường hợp tác kinh tế. B. Lật đổ chính quyền hiện tại.

C. Phát triển du lịch. D. Tăng cường quan hệ ngoại giao.

Câu 39: Thủ đoạn của "diễn biến hòa bình" thường nhắm vào đối tượng nào trong xã hội?

A. Người lao động. B. Cán bộ, đảng viên và trí thức.

C. Khách du lịch. D. Học sinh, sinh viên.

Câu 40: Một trong những âm mưu của các đối tượng thù địch trong việc thực hiện "diễn biến hòa bình" là gì?

A. Phát triển văn hóa. B. Thay đổi nhận thức và tư tưởng của người dân.

C. Tăng cường giáo dục. D. Phát triển kinh tế.

Câu 41: Giải pháp nào được xem là quan trọng nhất trong việc nâng cao nhận thức của người dân về chiến lược diễn biến hòa bình và bạo loạn lật đổ?

A. Tăng cường hợp tác quốc tế. B. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục.

C. Mở rộng các hoạt động văn hóa, thể thao. D. Phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 42: Một trong những biện pháp chủ yếu để ngăn chặn bạo loạn lật đổ là gì?

A. Tăng cường xuất khẩu. B. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh.

C. Phát triển du lịch. D. Khuyến khích đầu tư nước ngoài.

Câu 43: Đâu là một trong những nhiệm vụ cấp bách nhằm bảo vệ an ninh quốc gia trước các mối đe dọa?

A. Mở rộng các khu công nghiệp. B. Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ an ninh trật tự.

C. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao. D. Khuyến khích phát triển kinh tế biển.

Câu 44: Giải pháp nào nhằm củng cố khối đại đoàn kết toàn dân để chống lại diễn biến hòa bình?

A. Phát triển các khu đô thị mới. B. Tăng cường giáo dục lý luận chính trị.

C. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. D. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Câu 45: Biện pháp nào dưới đây cần được chú trọng trong việc phòng, chống chiến lược diễn biến hòa bình?

A. Tăng cường giao lưu văn hóa quốc tế.

B. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội.

C. Phát triển công nghiệp nặng.

D. Khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực du lịch.

Câu 46: Công tác nào cần được nâng cao để phòng, chống bạo loạn lật đổ hiệu quả?

A. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế quốc tế. B. Nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng toàn dân.

C. Tăng cường phát triển hạ tầng kỹ thuật. D. Khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ.

Câu 47: Một trong những giải pháp hiệu quả để đấu tranh với các quan điểm sai trái là gì?

A. Mở rộng thị trường xuất khẩu lao động.

B. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhận thức cho nhân dân.

C. Phát triển các dự án nông nghiệp công nghệ cao.

D. Khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực công nghệ thông tin.

Câu 48: Biện pháp nào nhằm nâng cao khả năng phòng thủ của đất nước trước các mối đe dọa từ bên ngoài?

A. Phát triển công nghệ thông tin. B. Tăng cường huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng vũ trang.

C. Phát triển hệ thống giao thông vận tải. D. Khuyến khích đầu tư vào công nghiệp quốc phòng.

Câu 49: Giải pháp nào dưới đây nhằm tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước để chống lại diễn biến hòa bình?

A. Tăng cường hợp tác văn hóa với các nước láng giềng.

B. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội.

C. Phát triển hệ thống y tế hiện đại.

D. Khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực du lịch.

Câu 50: Một trong những nhiệm vụ trọng yếu để đảm bảo an ninh quốc gia là gì?

A. Phát triển du lịch sinh thái. B. Xây dựng lực lượng bảo vệ an ninh trật tự mạnh mẽ.

C. Mở rộng hợp tác văn hóa với các nước láng giềng. D. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ cao.

Câu 51: Trách nhiệm nào của học sinh là quan trọng nhất trong việc nâng cao nhận thức về chiến lược diễn biến hòa bình và bạo loạn lật đổ?

A. Tham gia các câu lạc bộ thể thao. B. Tham gia các buổi tuyên truyền, giáo dục chính trị.

C. Tham gia các hoạt động ngoại khóa. D. Phát triển kỹ năng mềm.

Câu 52: Học sinh cần làm gì để đóng góp vào công tác phòng, chống bạo loạn lật đổ?

A. Tham gia các hoạt động từ thiện. B. Tố giác các hành vi sai trái, chống đối nhà nước.

C. Tham gia các câu lạc bộ nghệ thuật. D. Phát triển kỹ năng cá nhân.

Câu 53: Trách nhiệm của học sinh trong việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc là gì?

A. Tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa.

B. Tham gia các tổ chức đoàn, đội trong nhà trường.

C. Phát triển kinh tế gia đình.

D. Tăng cường học tập cá nhân.

Câu 54: Hành động cụ thể nào của học sinh giúp đấu tranh với các quan điểm sai trái?

A. Tham gia các hoạt động thể thao. B. Phản biện và bác bỏ các thông tin sai lệch trên mạng xã hội.

C. Tham gia các khóa học ngoại ngữ. D. Phát triển kỹ năng mềm.

Câu 55: Học sinh cần làm gì để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục?

A. Tham gia các hoạt động giải trí. B. Tham gia các buổi hội thảo, tọa đàm về chính trị, an ninh.

C. Tham gia các hoạt động kinh tế. D. Phát triển kỹ năng lãnh đạo.

Câu 56: Trách nhiệm của học sinh trong việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân là gì?

A. Tham gia các hoạt động du lịch. B. Tham gia các khóa học giáo dục quốc phòng và an ninh.

C. Phát triển các dự án khởi nghiệp. D. Tham gia các hoạt động giao lưu quốc tế.

Câu 57: Hành động nào của học sinh giúp nâng cao chất lượng công tác bảo vệ an ninh trật tự?

A. Phát triển các dự án nghệ thuật. B. Hỗ trợ cơ quan chức năng trong công tác bảo vệ an ninh.

C. Tham gia các hoạt động từ thiện. D. Tăng cường học tập cá nhân.

Câu 58: Một trong những trách nhiệm của học sinh nhằm phòng, chống các chiến lược diễn biến hòa bình là gì?

A. Tham gia các hoạt động thể thao. B. Tuyên truyền, phổ biến các chính sách của Đảng và Nhà nước.

C. Tham gia các hoạt động kinh tế. D. Phát triển các dự án nghiên cứu khoa học.

Câu 59: Học sinh cần làm gì để đóng góp vào công tác phòng, chống bạo loạn lật đổ?

A. Tham gia các hoạt động giải trí. B. Tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường.

C. Tham gia các hoạt động từ thiện. D. Phát triển kỹ năng mềm.

Câu 60: Trách nhiệm của học sinh trong việc xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước là gì?

A. Tham gia các hoạt động văn hóa nghệ thuật.

B. Tham gia các buổi họp, hội thảo tuyên truyền về chính sách.

C. Phát triển kỹ năng lãnh đạo.

D. Tham gia các hoạt động giao lưu quốc tế.

# BÀI 5: TRUYỀN THỐNG VÀ NGHỆ THUẬT ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC CỦA ĐỊA PHƯƠNG.

## I. MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ TRUYỀN THỐNG VÀ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỊA PHƯƠNG

## 1. Thành phần của lực lượng vũ trang địa phương

Thành phần của lực lượng vũ trang địa phương gồm: Bộ đội địa phương. Lực lượng dự bị động viên, Dân quân tự vệ, Công an cấp tỉnh. Công an cấp huyện, Công an cấp xã, Bộ đội biên phòng

### a) Bộ đội địa phương

Bộ đội địa phương là một bộ phận của Quân đội nhân dân, được tổ chức ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với đặc điểm tình hình, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của từng địa phương

Bộ đội địa phương có nhiệm vụ phối hợp với Công an nhân dân, Dân quân tự vệ, Bộ đội biên phòng (nếu có) bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trong thời bình và làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc ở địa phương khi có chiến tranh.

### b) Lực lượng dự bị động viên

Lực lượng dự bị động viên bao gồm quân nhân dự bị và phương tiện kĩ thuật dự bị được đăng kí, quản lí và sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên để sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.

Lực lượng dự bị động viên được huy động khi có lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ, khi thi hành lệnh thiết quân luật, khi có nguy cơ đe doạ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm hoạ, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm.

### c) Dân quân tự vệ

Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát li sản xuất, công tác, được tổ chức ở địa phương gọi là dân quân, được tổ chức ở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế gọi là tự vệ

Dân quân tự vệ có nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, phối hợp với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân. Bộ đội biên phòng (nếu có) trên địa bàn bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời của Tổ quốc, thực hiện nhiệm vụ huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập, phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm hoạ, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường.

d) Bộ đội biên phòng:

Là lực lượng vũ trang nhân dân, thành phần của Quân đội nhân dân là lực lượng nòng cốt, chuyên trách quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới. Bộ đội Biên phòng có nhiệm vụ thực hiện quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia, hệ thống mốc quốc giới, công trình biên giới, cửa khẩu, duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu, kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu và qua lại biên giới, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu chống xung đột vũ trang, chiến tranh xâm lược ở khu vực biên giới, tham gia thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo và phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm hoạ, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ ở khu vực biên giới

Trong quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, lực lượng vũ trang địa phương đã góp phần viết nên truyền thống vẻ vang của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, đồng thời viết nên truyền thống đấu tranh cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở chính địa phương mình, trong đó có một số nét chính sau:

Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và nhân dân, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc

Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, vừa chiến đấu, vừa sản xuất, chiến đấu kiên cường, dũng cảm, mưu trí, linh hoạt, lao đông, học tập và công tác cần cù, sáng tạo, hiệu quả.

Gắn bó máu thịt với nhân dân, sẵn sàng xả thân bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước ở địa phương.

Đoàn kết nội bộ, phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, các lực lượng, tận tình giúp đỡ nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương bạn, nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng, thuỷ chung, chí nghĩa, chí tình.

## 3. Một số nét chính về nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương

Trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, lực lượng vũ trang địa phương đã và đang vận dụng, phát huy, phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của từng địa phương, trong đó có một số nét chính sau:

Phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân ở địa phương, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt

Quán triệt tư tưởng tiến công, hàm trụ kiên cường, tích cực, chủ động đánh địch rộng khắp mọi lúc, mọi nơi

Phát huy sở trường, phối hợp các lực lượng của địa phương, tận dụng, cải tạo địa hình, tạo lập thế trận tại chỗ.

Vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu (tập kích, phục kích, bao vây, nghi bình, căng kéo, kìm giữ, phân tán lực lượng địch), kết hợp sáng tạo nhiều cách đánh đánh nhỏ, đành vừa, đánh lớn (lấy đánh nhỏ là chủ yếu), đánh tiêu hao rộng khắp, đánh tiêu diệt có trọng điểm

Phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với bộ đội chủ lực, kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, bình vận ở địa phương tạo sức mạnh tổng hợp

## II. TRÁCH NHIỆM XÂY DỰNG, BẢO VỆ, GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỊA PHƯƠNG

## 1. Tìm hiểu truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương

Dựa vào một số nét chính về truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương nói chung để tìm hiểu truyền thống của từng địa phương, tập trung vào một số nội dung sau:

Lịch sử hình thành và phát triển của lực lượng vũ trang địa phương, ngày truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương.

Chiến công của lực lượng vũ trang địa phương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cuộc chiến tranh chống để quốc Mỹ và trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Người có công với cách mạng ở địa phương như liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kì kháng chiến, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày…

Công trình ghi công liệt sĩ (nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ), mộ liệt sĩ, tượng đài liên quan đến lực lượng vũ trang địa phương.

Cá nhân, tập thể thuộc lực lượng vũ trang địa phương có những đóng góp xuất sắc, đặc biệt xuất sắc vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc được Nhà nước tặng, truy tặng Huân chương, Huy chương. Danh hiệu vinh dự Nhà nước

## 2. Trách nhiệm của công dân

Tích cực, chủ động tìm hiểu và vận động người thân cộng đồng tìm hiểu về truyền thống lực lượng vũ trang của quê hương và địa phương nơi đang sinh sống.

Thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, Dân quân tự vệ, Lực lượng dự bị động viên, quyền và trách nhiệm của công dân về quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật.

Tích cực tham gia phong trào “Đền ơn đáp nghĩa và các hoạt động vận động, chăm sóc, giúp đỡ người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng: chăm sóc, gìn giữ công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ, tượng đài

Đấu tranh, phản bác với quan điểm, tư tưởng trái với truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương, phát hiện, cung cấp thông tin và tham gia ngăn chặn các hành vì xuyên tạc, bôi nhọ lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương.

# CÂU HỎI ÔN TẬP BÀI 5

Câu 1: Truyền thống đánh giặc của nhân dân địa phương nào được thể hiện qua trận đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938?

A. Nghệ An. B. Quảng Ninh. C. Thanh Hóa. D. Hà Nội.

Câu 2: Trận đánh nào ở địa phương Thăng Long (Hà Nội ngày nay) đã thể hiện rõ truyền thống đánh giặc của nhân dân ta?

A. Trận Rạch Gầm - Xoài Mút. B. Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa.

C. Trận Đông Khê. D. Trận Điện Biên Phủ.

Câu 3: Truyền thống đánh giặc của nhân dân Nam Bộ được thể hiện qua sự kiện nào dưới đây?

A. Chiến thắng Bạch Đằng. B. Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút.

C. Chiến thắng Chi Lăng. D. Chiến thắng Tây Sơn.

Câu 4: Truyền thống đánh giặc của người dân Tây Nguyên được thể hiện qua sự kiện nào?

A. Chiến thắng Bạch Đằng. B. Cuộc khởi nghĩa của đồng bào Tây Nguyên.

C. Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa. D. Chiến thắng Hà Hồi.

Câu 5: Nhân dân địa phương nào đã thể hiện truyền thống đánh giặc qua cuộc kháng chiến chống Pháp tại Cần Vương?

A. Nam Bộ. B. Nghệ Tĩnh. C. Thăng Long. D. Tây Nguyên.

Câu 6: Cuộc kháng chiến nào của nhân dân Bắc Giang đã ghi dấu ấn sâu đậm về truyền thống đánh giặc?

A. Khởi nghĩa Lam Sơn. B. Cuộc khởi nghĩa Yên Thế.

C. Chiến thắng Chi Lăng. D. Chiến thắng Hàm Tử.

Câu 7: Truyền thống đánh giặc của nhân dân địa phương nào được thể hiện qua cuộc khởi nghĩa của Trưng Trắc và Trưng Nhị?

A. Nghệ An. B. Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). C. Thanh Hóa. D. Hà Nội.

Câu 8: Nhân dân địa phương nào đã có truyền thống đánh giặc nổi bật qua trận Đông Khê trong kháng chiến chống Pháp?

A. Quảng Ninh. B. Cao Bằng. C. Nam Định. D. Hải Phòng.

Câu 9: Truyền thống đánh giặc của nhân dân địa phương nào được thể hiện qua sự kiện chiến thắng Đinh Bộ Lĩnh đánh tan quân xâm lược phương Bắc?

A. Hà Nội. B. Ninh Bình. C. Bắc Ninh. D. Quảng Nam.

Câu 10: Truyền thống đánh giặc của nhân dân địa phương nào được thể hiện qua chiến thắng Điện Biên Phủ trên không?

A. Hải Phòng. B. Hà Nội. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh.

Câu 11: Trận đánh nào của Quân đội Nhân dân Việt Nam tại địa phương đã làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ?

A. Trận Ngọc Hồi - Đống Đa. B. Trận Điện Biên Phủ.

C. Trận Rạch Gầm - Xoài Mút. D. Trận Chi Lăng.

Câu 12: Chiến thắng nào của Quân đội Nhân dân Việt Nam tại địa phương Quảng Bình trong kháng chiến chống Mỹ được xem là biểu tượng của tinh thần kiên cường?

A. Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa. B. Chiến thắng Đồng Hới.

C. Chiến thắng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không. D. Chiến thắng Đông Khê.

Câu 13: Chiến dịch nào tại địa phương Hà Nội đã thể hiện truyền thống đánh giặc của Quân đội Nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp?

A. Chiến dịch Biên giới 1950. B. Chiến dịch Đông Xuân 1946-1947.

C. Chiến dịch Tây Bắc 1952. D. Chiến dịch Quảng Trị 1972.

Câu 14: Trận đánh nào tại địa phương Quảng Trị đã thể hiện rõ tinh thần chiến đấu của Quân đội Nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ?

A. Trận Ngọc Hồi - Đống Đa. B. Trận Thành cổ Quảng Trị 1972.

C. Trận Chi Lăng. D. Trận Điện Biên Phủ.

Câu 15: Chiến thắng nào của Quân đội Nhân dân Việt Nam tại địa phương Tiền giang đã góp phần quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ?

A. Chiến thắng Bình Giã. B. Chiến thắng Ấp Bắc.

C. Chiến thắng Đồng Xoài. D. Chiến thắng Buôn Ma Thuột.

Câu 16: Chiến dịch nào tại địa phương Bình Định đã khẳng định sức mạnh của Quân đội Nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ?

A. Chiến dịch Biên giới 1950. B. Chiến dịch An Lão.

C. Chiến dịch Tây Bắc 1952. D. Chiến dịch Quảng Trị 1972.

Câu 17: Chiến thắng nào của Quân đội Nhân dân Việt Nam tại địa phương Bến Tre đã trở thành biểu tượng của phong trào Đồng Khởi?

A. Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa. B. Chiến thắng Mỏ Cày.

C. Chiến thắng Đông Khê. D. Chiến thắng Chi Lăng.

Câu 18: Chiến dịch nào tại địa phương Sài Gòn đã khép lại cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước?

A. Chiến dịch Tây Bắc 1952. B. Chiến dịch Hồ Chí Minh 1975.

C. Chiến dịch Quảng Trị 1972. D. Chiến dịch Biên giới 1950.

Câu 19: Nét nghệ thuật chính trong chiến thuật "Đánh du kích" của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp là gì?

A. Đánh nhanh, thắng nhanh. B. Đánh nhỏ, lẻ, bất ngờ.

C. Đánh trực diện, đối đầu. D. Đánh tầm xa, hạn chế thương vong.

Câu 20: Trong kháng chiến chống Mỹ, nghệ thuật "Chiến tranh nhân dân" chủ yếu được thể hiện qua điều gì?

A. Sử dụng vũ khí hiện đại. B. Kết hợp giữa chiến đấu của quân đội và toàn dân.

C. Tấn công trực diện vào địch. D. Đánh chiếm các căn cứ lớn.

Câu 21: Nghệ thuật "Tiêu hao, tiêu diệt địch" của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp chủ yếu được thực hiện như thế nào?

A. Đánh chặn từ xa. B. Đánh vào các điểm yếu, tiêu hao sinh lực địch.

C. Tấn công tổng lực. D. Phòng ngự cố thủ.

Câu 22: Trong kháng chiến chống Mỹ, nghệ thuật "Mở rộng vùng giải phóng" được thực hiện như thế nào?

A. Đánh chiếm các thành phố lớn. B. Giành quyền kiểm soát nông thôn, xây dựng cơ sở cách mạng.

C. Đánh vào các căn cứ quân sự chính. D. Tấn công vào các khu vực đô thị.

Câu 23: Nghệ thuật "Đánh vào lòng địch" trong kháng chiến chống Pháp thể hiện qua hình thức nào?

A. Đánh vào các cứ điểm chính. B. Đánh vào hậu phương, kho tàng của địch.

C. Đánh vào các khu vực ngoại vi. D. Tấn công trực diện.

Câu 24: Trong kháng chiến chống Mỹ, nghệ thuật "Đánh địch bằng vũ khí thô sơ" thể hiện rõ nhất ở đâu?

A. Các thành phố lớn. B. Các vùng nông thôn và rừng núi.

C. Các căn cứ quân sự. D. Các khu vực đô thị.

Câu 25: Nghệ thuật "Phòng ngự tích cực" trong kháng chiến chống Pháp được thực hiện như thế nào?

A. Tấn công phủ đầu. B. Vừa đánh, vừa rút lui để bảo toàn lực lượng.

C. Đánh trực diện. D. Đánh tổng lực.

Câu 26: Trong kháng chiến chống Mỹ, nghệ thuật "Tấn công tổng hợp" bao gồm những hình thức nào?

A. Đánh du kích kết hợp đánh lớn. B. Kết hợp giữa chiến đấu quân sự và chính trị, ngoại giao.

C. Tấn công trên biển. D. Phòng ngự chủ động.

Câu 27: Nghệ thuật "Đánh vào tâm lý địch" trong kháng chiến chống Pháp được thể hiện như thế nào?

A. Tấn công vào các căn cứ quân sự chính.

B. Gây hoang mang, mất tinh thần cho địch qua các cuộc tập kích bất ngờ.

C. Đánh tổng lực vào các thành phố.

D. Đánh chặn từ xa.

Câu 28: Trong kháng chiến chống Mỹ, nghệ thuật "Chiến tranh du kích" chủ yếu diễn ra ở đâu?

A. Các thành phố lớn. B. Các vùng nông thôn và rừng núi.

C. Các khu vực ven biển. D. Các trung tâm công nghiệp.

Câu 29: Nghệ thuật "Kết hợp giữa các mũi giáp công" trong kháng chiến chống Mỹ được thể hiện qua hình thức nào?

A. Đánh trên biển và trên không. B. Đánh từ cả ba hướng: quân sự, chính trị, ngoại giao.

C. Đánh từ trên không. D. Đánh từ dưới nước.

Câu 30: Trong kháng chiến chống Pháp, nghệ thuật "Lợi dụng địa hình" chủ yếu được thực hiện như thế nào?

A. Sử dụng vũ khí hạng nặng. B. Tận dụng địa hình rừng núi, sông ngòi để đánh địch.

C. Tấn công từ các căn cứ lớn. D. Đánh từ xa, hạn chế giao tranh.

Câu 31: Nghệ thuật "Tập kích bất ngờ" trong kháng chiến chống Mỹ chủ yếu nhằm vào đối tượng nào?

A. Dân thường. B. Các đơn vị quân sự địch. C. Cơ sở hạ tầng. D. Vùng dân cư.

Câu 32: Trong kháng chiến chống Pháp, nghệ thuật "Phòng ngự cơ động" được thực hiện với mục tiêu gì?

A. Tấn công trực diện địch. B. Bảo toàn lực lượng, phản công khi có thời cơ.

C. Đánh chiếm các vị trí quan trọng. D. Tấn công từ xa.

Câu 33: Nghệ thuật "Sử dụng lực lượng nhỏ nhưng hiệu quả" trong kháng chiến chống Mỹ được thể hiện qua chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Quảng Trị 1972. B. Chiến dịch Tây Nguyên 1975.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh 1975. D. Chiến dịch Biên giới 1950.

Câu 34: Trong kháng chiến chống Pháp, nghệ thuật "Đánh vào hậu phương địch" được thực hiện nhằm mục đích gì?

A. Đánh chiếm lãnh thổ. B. Gây rối loạn, phá hoại nguồn cung cấp của địch.

C. Tấn công quân sự chính diện. D. Đánh vào các vị trí phòng thủ.

Câu 35: Nghệ thuật "Sử dụng chiến tranh tâm lý" trong kháng chiến chống Mỹ nhằm mục tiêu gì?

A. Tăng cường quân sự. B. Làm suy yếu tinh thần chiến đấu của địch.

C. Tấn công trực diện. D. Phát triển kinh tế.

Câu 36: Trong kháng chiến chống Pháp, nghệ thuật "Đánh luồn sâu, đánh mạnh" chủ yếu được thực hiện ở đâu?

A. Các khu vực đô thị. B. Các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa.

C. Các căn cứ quân sự lớn. D. Các khu công nghiệp.

Câu 37: Nghệ thuật "Kết hợp giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị" trong kháng chiến chống Mỹ được thể hiện như thế nào?

A. Chỉ tập trung vào đấu tranh quân sự.

B. Đấu tranh trên cả mặt trận quân sự và chính trị, ngoại giao.

C. Chỉ đấu tranh chính trị.

D. Chỉ tập trung vào ngoại giao.

Câu 38: Trong kháng chiến chống Pháp, nghệ thuật "Đánh theo chiến thuật ba mũi giáp công" bao gồm những yếu tố nào?

A. Đánh bằng vũ khí hạng nặng, xe tăng, máy bay.

B. Kết hợp giữa lực lượng vũ trang, chính trị, binh vận.

C. Đánh từ xa, hạn chế thương vong.

D. Tấn công tổng lực vào một mục tiêu.

Câu 39: Trách nhiệm quan trọng nhất của công dân trong việc giữ gìn truyền thống đánh giặc giữ nước của lực lượng vũ trang địa phương là gì?

A. Tham gia các hoạt động giải trí. B. Tham gia các hoạt động giáo dục về lịch sử và truyền thống.

C. Phát triển kinh tế gia đình. D. Tăng cường hợp tác quốc tế.

Câu 40: Công dân cần làm gì để góp phần giữ gìn truyền thống đánh giặc của lực lượng vũ trang địa phương?

A. Tham gia các hoạt động thể thao. B. Tuyên truyền, phổ biến các câu chuyện lịch sử về chiến công của lực lượng vũ trang.

C. Phát triển kỹ năng cá nhân. D. Tăng cường hợp tác quốc tế.

Câu 41: Trách nhiệm của công dân trong việc tôn vinh các anh hùng liệt sĩ là gì?

A. Tham gia các hoạt động kinh doanh. B. Tham gia các buổi lễ tưởng niệm và tri ân.

C. Phát triển các dự án cá nhân. D. Tăng cường giao lưu văn hóa.

Câu 42: Hành động cụ thể nào của công dân giúp bảo tồn và phát huy truyền thống đánh giặc của lực lượng vũ trang địa phương?

A. Tham gia các hoạt động giải trí. B. Tổ chức và tham gia các buổi hội thảo, tọa đàm về lịch sử quân sự.

C. Tham gia các hoạt động từ thiện. D. Phát triển các dự án kinh tế.

Câu 43: Công dân cần làm gì để truyền đạt lại truyền thống đánh giặc cho thế hệ trẻ?

A. Tham gia các hoạt động du lịch. B. Kể chuyện và giáo dục lịch sử cho thế hệ trẻ.

C. Tham gia các hoạt động thể thao. D. Phát triển kinh tế cá nhân.

Câu 44: Trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ các di tích lịch sử liên quan đến lực lượng vũ trang là gì?

A. Phát triển công nghệ thông tin. B. Tham gia các hoạt động bảo vệ và duy tu di tích lịch sử.

C. Tham gia các hoạt động thể thao. D. Tăng cường hợp tác quốc tế.

Câu 45: Công dân cần làm gì để góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh?

A. Tham gia các hoạt động giải trí. B. Tích cực tham gia các khóa học giáo dục quốc phòng và an ninh.

C. Tham gia các hoạt động kinh tế. D. Phát triển kỹ năng cá nhân.

Câu 46: Hành động nào của công dân giúp nâng cao nhận thức về truyền thống đánh giặc của lực lượng vũ trang?

A. Tham gia các hoạt động thể thao. B. Tham gia các buổi tuyên truyền, giáo dục về lịch sử quân sự.

C. Phát triển kinh tế gia đình. D. Tăng cường giao lưu văn hóa.

Câu 47: Trách nhiệm của công dân trong việc duy trì và phát huy truyền thống quân sự là gì?

A. Tham gia các hoạt động du lịch. B. Tham gia các câu lạc bộ lịch sử, quân sự.

C. Phát triển các dự án cá nhân. D**.** Tham gia các hoạt động giải trí.

Câu 48: Công dân cần làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống đánh giặc của lực lượng vũ trang địa phương?

A. Tham gia các hoạt động thể thao. B. Ghi chép, lưu giữ và truyền đạt lại các câu chuyện, sự kiện lịch sử.

C. Tham gia các hoạt động kinh doanh. D. Phát triển các dự án kinh tế

## 

# BÀI 6: LÝ THUYẾT BẮN SÚNG

## I/ Ngắm Bắn

### 1. Khái niệm về ngắm bắn

- Tại sao phải ngắm bắn? Trong bắn súng muốn bắn trúng mục tiêu phải ngắm bắn. Khi bắn đầu đạn chuyển động trong nòng súng ra ngoài không khí chịu tác động của không khí và lực hút trái đất tạo thành đường cong không cân đối. Nên người bắn phải xác định góc bắn và hướng bắn để cho quỹ đạo đường đạn đi qua điểm định bắn trúng trên mục tiêu.

Đối với súng tiểu liên AK ở cự li 50m, đầu đạn dần dần tách ra khỏi đường phóng đồng thời chuyển động theo quán tính.

Vì vậy để đạn trúng điểm mục tiêu, không thể đưa thẳng nòng súng vào điểm định bắn mà phải hướng nòng súng chếch lên một góc nhất định (góc bắn) để điểm chạm (điểm rơi) của đầu đạn trúng vào điểm định bắn trúng

Nếu gọi đường đạn là đường do trọng tâm đầu đạn vạch ra trong không gian, có thể hình dung đường đạn là đường không cân đối, đoạn đi lên bao giờ cũng dài hơn đoạn đi xuống

A diagram of a curve

Description automatically generated

(Hình đường đạn trong không gian)

Để lấy hướng bắn và góc bắn nhanh chóng, chính xác người ta làm sẵn bộ phận ngắm trên súng. Sau khi người bắn ước lượng cự li bắn, lấy thước ngắm tương ứng, dùng bộ phận ngắm, ngắm vào mục tiêu, khi lấy được đường ngắm chính xác thực hiện bóp cò. Làm như vậy gọi là ngắm và bắn.

Thực chất của ngắm bắn là dóng súng vào mục tiêu, lấy góc bắn và hướng bắn để đưa quỹ đạo đường đạn vào điểm định bắn.

Thứ tự thực hành ngắm

#### a. Lấy thước ngắm

Người bắn căn cứ vào cự ly từ người bắn đến mục tiêu là bao nhiêu mét thực hiện đông tác lấy thước ngắm (thước ngắm về tầm), ví dụ : cự ly 300 m, lấy thước ngắm 3.

Thực chất bước này là tạo góc tương ứng giữa đường ngắm và trục của nòng súng, tạo cho súng một góc bắn về tầm khi bắn.

#### b. Lấy đường ngắm cơ bản

Lấy đường ngắm cơ bản thực chất tạo cho súng một góc bắn về tầm và hướng.

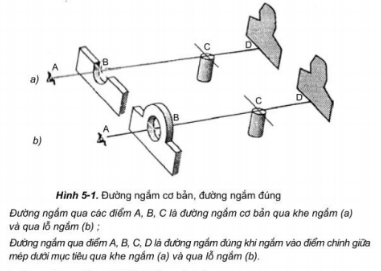
Nội dung lấy đường ngắm cơ bản là dóng một đường thẳng từ mắt người ngắm qua khe thước ngắm đến đỉnh đầu ngắm sao cho đỉnh đầu ngắm nằm chính giữa ngang bằng với hai mép trên của thành khe ngắm với điều kiện mặt súng không bị nghiêng.

Việc lấy đường ngắm cơ bản có ý nghĩa quyết định đến tính chính xác của đường ngắm hay độ chính xác về tầm và hướng đối với mục tiêu

Đường ngắm cơ bản với thước ngắm cơ khí

- Đường ngắm cơ bản:

Với thước ngắm cơ khí: Đường ngắm cơ bản là đường thẳng từ mắt người ngắm qua chính giữa mép trên của khe thước ngắm đến chính giữa đỉnh đầu ngắm.



Với kính ngắm quang học: Đường ngắm cơ bản là đường ngằm từ mắt người qua tâm kính nhìn tới giao điểm vạch khắc tầm và vạch khắc hướng (dấu cộng) với điều kiện kính phải sáng tròn đều.

|  |  |
| --- | --- |
| Kết quả hình ảnh cho đường ngắm cơ bản với kính ngắm quang học | A close-up of a crosshair  Description automatically generated |
| Đường ngắm cơ bản với kính ngắm quang học | |

#### c. Lấy đường ngắm đúng

Đường ngắm đúng là đưa đường ngắm cơ bản đến điểm định ngắm trên mục tiêu.

Trong chiến đấu không phải lúc nào mục tiêu cũng ở cự li chẵn tương ứng với cự li trên thước ngắm, ngoài ra đầu đạn còn chịu ảnh hưởng của gió, mật độ không khí, nhiệt độ môi trường.

Lấy đường ngắm đúng phải được duy trì trong suốt quá trình bắn.

### 2. Ảnh hưởng do ngắm và gió đến kết quả bắn

#### a. Lấy sai đường ngắm cơ bản

Là sai về góc bắn về tầm và hướng bắn đối với mục tiêu nghĩa là: lấy thước ngắm không đúng; đỉnh đầu ngắm không nằm chính giữa ngang bằng với mép trên của khe thước ngắm.

A black and white image of a person with a skull

Description automatically generated with medium confidence

-------------------------------------

**A black and white image of a person in space

Description automatically generated**

**--------------------------------**

**A black and white image of a person

Description automatically generated**

**---------------------------------------------**

**A black and white image of a rose

Description automatically generated**

#### b. Mặt súng nghiêng

Là hiện tượng mép trên của thành khe thước ngắm không song song với mặt phẳng ngang, khi bắn mặt súng nghiêng về bên nào thì đạn đi lệch và thấp về bên đó.

A black and white image of a bear

Description automatically generated

#### c. Lấy sai điểm ngắm

Khi bắn lấy sai điểm ngắm bao nhiêu thì điểm chạm trên mục tiêu sai lệch bấy nhiêu.

A black and white logo

Description automatically generated

Trong quá trình ngắm, mặc dù có rung động nhỏ, nếu người bắn lấy đường ngắm cơ bản đúng, đường ngắm đúng chuẩn xác thì thực hành bóp cò kết thúc phát bắn đạn vẫn trúng mục tiêu.

#### d. Ảnh hưởng của gió khi bắn

Gió xuôi theo hướng bắn làm cho đường đạn bay cao và xa hơn mục tiêu.

Gió ngược theo hướng bắn làm cho đường đạn bay thấp và gần hơn so với điểm định bắn.

Gió ngang với hướng bắn: Ảnh hưởng của gió ngang sẽ làm đạn lệch theo chiều xuôi của hướng gió, gió từ phải sang trái thì đạn lệch sang trái và ngược lại.

Đối với đạn của súng bộ binh ảnh hưởng của gió là không đáng kể.

## II. Tư thế động tác băn , bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK.

### 1. Động tác nằm bắn

Trong chiến đấu, thường vận dụng ở địa hình trống trải hoặc có vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm người nằm. Trong huấn luyện bắn theo điều kiện của giáo trình hoặc khẩu lệnh của người chỉ huy.

Động tác nằm bắn không tì

- Động tác chuẩn bị bắn:

Khi nghe khẩu lệnh “mục tiêu….nằm chuẩn bị bắn!”. Người bắn làm động tác: tay phải xách súng lên ngang thắt lưng (nòng súng chếch lên về phía trước hợp với thân người một góc 450), thực hiện ba cử động sau:

**Cử động 1:** Chân phải bước lên một bước dài theo hướng bàn chân phải, chân trái dùng mũi bàn chân làm trụ xoay gót sang trái để người hướng theo bàn chân phải.

**Cử động 2:** Chống bàn tay trái xuống đất trước mũi bàn chân phải khoảng 20cm, mũi bàn tay hướng chếch về bên phải phía sau, thứ tự đặt cánh tay, khuỷu tay, đùi trái xuống đất.

**Cử động 3:** Tay phải lao súng về phía trước, đồng thời bàn tay trái ngửa đỡ thân súng khoảng dưới thước ngắm duỗi chân phải về sau, người nằm úp xuống đất hai bàn chân mở rộng bằng vai, hai mũi bàn chân hướng sang hai bên, người nằm chếch một góc so với hướng bắn một góc 30 độ.

- Động tác lắp đạn: Tay phải rời ốp lót tay, tháo hộp tiếp đạn không có đạn ở súng trao sang tay trái, ngón giữa và ngón đeo nhẫn giữ hộp tiếp đạn vào mép phải ốp lót tay, cửa hộp tiếp đạn quay vào người. Tay phải lấy hộp tiếp đạn có đạn trong túi lắp vào súng, cất hộp tiếp đạn không có đạn vào túi đựng hộp tiếp đạn.

- Dùng ngón cái tay phải gạt khóa an toàn vào vị trí bắn phát một hoặc liên thanh, sau đó làm động tác lên đạn. Lên đạn xong gạt cần khóa an toàn về vị trí an toàn. Tay phải nắm tay cầm của súng, ngón tay trỏ thẳng để trên vành cò, mặt súng hướng lên trên, mắt luôn theo dõi phía trước chờ lệnh.

Động tác bắn

Đang ở tư thế nằm bắn để bắn trúng muc tiêu người bắn phải thực hiên ba động tác: giương súng, ngắm và bóp cò.

Động tác giương súng

- Trước khi giương súng phải lấy thước ngắm động tác như sau: tay trái nắm ốp tay dưới, giữ súng để mặt súng hướng lên trên. Tay phải dùng ngón tay cái và ngón trỏ bóp then hẵm cữ thước ngắm xê dịch cho mép trước cữ thước ngắm khớp vào vạch cữ thước ngắm định lấy, sau đó tay phải gạt cần khóa an toàn về vị trí đã định.

- Động tác giương súng :

+ Tay trái nắm chắc ốp tay dưới hoặc hộp tiếp đạn, tùy theo tay dài hay ngắn của từng người trong tư thế bắn. Cẳng tay hợp với mặt phẳng địa hình một góc 400 đến 60 0.

+ Tay phải nắm tay cầm, hộ khẩu tay ở chính giữa phía sau tay cầm, ngón tay trỏ đặt vào cò súng ở cuối đốt thứ nhất, đầu đốt thứ hai.

Kết hợp hai tay nâng súng, đặt phần trên đế báng súng vào hõm vai, hai khuỷu tay chống xuống đất rộng bằng vai, kết hợp hai tay giữ chắc súng cân bằng trên vai, nhìn qua súng chưa đúng hướng thì dịch chuyển cả thân người (hai tay cố định) đưa súng về hướng mục tiêu.

Động tác ngắm

Khi lấy đường ngắm, má áp phải sát vào báng súng với lực vừa phải để đầu ít bị rung động, không gối má vào báng súng làm cho mặt súng nghiêng.

Khi ngắm mắt trái nheo tự nhiên, mắt phải ngắm, thứ tự lấy đường ngắm cơ bản rồi đưa đường ngắm cơ bản đến điểm định ngắm trên mục tiêu.

Động tác bóp cò

Trước khi bóp cò phải làm động tác ngưng thở để súng bớt rung động có thể hít vào hoặc thở ra một ít rồi ngưng thở.

Bóp cò phải dùng lực độc lập của ngón tay trỏ bóp từ từ êm đều từ trước về sau theo trục của súng đến khi đạn n893;. Nếu bắn liên thanh 2\_3 viên khi bóp cò phải bóp hết cỡ, thả ra từ từ, không bóp quá nhanh, quá mạnh, thả cò quá vội hoặc nháy cò đều dẫn đến bắn phát một.

Động tác thôi bắn

Thôi bắn tạm thời (ngừng bắn)

Khẩu lệnh “ngừng bắn!”. Người bắn làm động tác như sau: hạ súng xuống, khóa an toàn, hai tay giữ súng ở tư thế chuẩn bị bắn mắt quan sát mục tiêu. Nếu súng hết đạn phải thay hộp tiếp đạn có đạn vào súng.

Thôi bắn hoàn toàn

Khẩu lệnh “Thôi bắn, tháo đạn, khám súng, đứng dậy”, người bắn làm động tác như sau:

Ngón trỏ tay phải thả cò súng ra, hai tay hạ súng xuống. Tay phải tháo hộp tiếp đạn ở súng ra, trao sang tay trái, ngón giữa và ngón đeo nhẫn của bàn tay trái kẹp hộp tiếp đạn bên phải ốp lót tay cửa hộp tiếp đạn quay vào người, sống hộp tiếp đạn quay xuống đất.

Tay trái vẫn giữ súng, tay phải kéo bệ khóa nòng từ từ về sau, ngón tay trỏ lướt trên cửa thoát vỏ đạn, các ngón tay khép lại chắn cửa nắp hộp khóa nòng để đỡ viên đạn từ trong buồng đạn văng ra.

Lắp viên đạn vừa tháo ở súng ra vào hộp tiếp đạn, bóp chết cò, khóa an toàn, lấy hộp tiếp đạn không có đạn trong túi đựng hộp tiếp đạn lắp vào súng, cất hộp tiếp đạn có đạn vào trong túi đựng hộp tiếp đạn.

Động tác đứng dậy:

**Cử động 1:** Tay phải nắm ốp lót tay, nghiêng người sang trái, co chân trái lên, đầu gối ngang thắt lưng tay phải đưa súng lên đặt lên đùi trái hộp tiếp đạn quay sang phải, tay trái úp dưới đất trước ngực.

**Cử động 2:** Xoay mũi bàn tay trái về trước, chân phải bước lên một bước, bàn chân ngang với mũi bàn tay trái, phối hợp sức tay trái và hai chân nâng người đứng dậy.

**Cử động 3:** Dùng gót chân phải làm trụ, xoay mũi bàn chân sang phải sao cho hợp với hướng bắn một góc 220, chân trái kéo lên ngang bàn chân phải ở tư thế đứng nghiêm, làm động tác xách súng hoặc mang súng.

Lưu ý: Trong chiến đấu có thể vận dụng đứng dậy bằng cách thứ hai “vọt tiến”, khi vọt tiến thực hiện hai cử động:

**Cử động 1:** Tay phải nắm ốp lót tay đưa súng về sau, gập cánh tay về phía thân người cánh tay đặt xuống đất, tay trái thu về sau, bàn tay úp xuống đất ngang vai trái, chân hơi co.

**Cử động 2:** Dùng sức của hai tay và chân phải nâng người lên đồng thời chân trái bước lên một bước nâng người đứng dậy, chân phải bước lên tiếp tục tiến.

- Động tác bắn có bệ tì: Động tác bắn cơ bản như không có bệ tì, chỉ khác khi giương súng đặt lên bệ tì, đặt từ khâu đầu nòng đến phần trước ốp tay dưới, hộp tiếp đạn đặt sát vào bệ tì để súng chắc chắn.

Tay trái đặt hộ khẩu tay và mu bàn tay lên vật tì. Nếu vật tì cao, tay trái có thể nắm hộp tiếp đạn.

- Muốn bắn được trúng, chụm, trúng liên thanh, giương súng phải đạt được các yếu tố: bằng, chắc, đều, bền.

+ Bằng : Mặt súng phải thăng bằng.

+ Chắc : Hai tay giữ súng chắc, tì chắc vào vai.

+ Đều : Lực nắm súng và ghì súng phải đều nhau.

+ Bền: Lực nắm và ghì súng phải bền trong suốt quá trình loạt bắn.

A group of people shooting guns

Description automatically generated

### 2. Động tác quỳ bắn súng AK

Trong chiến đấu, thường vận dụng ở địa hình có vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm người ngồi. Trong huấn luyện bắn theo điều kiện của giáo trình hoặc khẩu lệnh của người chỉ huy.

Động tác quỳ bắn không tỳ

Động tác chuẩn bị bắn

Khẩu lệnh: “Mục tiêu… quỳ chuẩn bị bắn”.

Khi nghe dứt khẩu lệnh, quay người về hướng mục tiêu, tay phải nắm ốp lót tay đưa súng thành thế xách súng, nắm tay đặt ngang thắt lưng, nòng súng hướng lên trên về trước hợp với thân người một góc khoảng 45 độ, thực hiện 2 cử động.

**Cử động 1:** Chân trái bước chếch sang phải một bước, gót bàn chân trái cách mũi bàn chân phải khoảng 20 cm sao cho mép phải của bàn chân trái thẳng với mép trái của bàn chân phải. Chân phải dùng mũi làm trụ, xoay gót lên để bàn chân hợp với hướng bắn một góc khoảng 90 độ.

**Cử động 2:** Tay phải đưa súng về trước, tay trái ngửa đỡ lấy ốp lót tay dưới. Quỳ gối phải xuống đất theo hướng mũi bàn chân phải, mông phải ngồi trên gót bàn chân phải, ống chân trái trắng đứng, đùi trái và đùi phải hợp với nhau một góc khoảng 60 độ. Sức nặng thân người rơi đều vào 3 điểm: bàn chân trái, đầu gối phải và mũi bàn chân phải, cẳng tay trái đặt trên đùi trái, đế báng súng đặt trên đùi phải.

A group of people standing in a field

Description automatically generated

Động tác chuẩn bị súng, đạn:

Như nằm bắn chỉ khác được thực hiện ở tư thế quỳ. Chỉ khác động tác giương súng. Tay trái nắm ốp lót tay hoặc hộp tiếp đạn, tay phải nắm tay cầm, kết hợp hai tay nâng súng lên đặt phần giữa để báng súng vào hõm vai bên phải, khuỷu tay trái tỳ trên gối trái hơi nhô ra phía trước để tăng lực ma sát giữ súng chắc chắn, cánh tay phải mở tự nhiên, người có xu hướng hơi ngả về trước để khi bắn không bị ngã ngửa về sau. Hai tay giữ súng chắc và ghì súng chắc vào vai. Nhìn qua đường ngắm, nếu thấy súng bị sai lệch về hướng thì dịch chuyển bàn chân trái qua phải hoặc qua trái để điều chỉnh cho đúng hướng, không dùng cánh tay để điều chỉnh hướng súng.

- Động tác thôi bắn:

Thứ tự khẩu lệnh, động tác thôi bắn cơ bản như động tác nằm bắn chỉ khác động tác đứng dậy thực hiện 2 cử động.

**Cử động 1:** Tay phải xách súng kết hợp 2 chân đẩy người đứng dậy.

**Cử động 2:** Chân trái dùng gót làm trụ xoay mũi bàn chân sang phải một góc khoảng 22,5 độ. Chân phải đưa lên đặt sát gót chân trái thành tư thế đứng nghiêm

xách hoặc mang súng.

**Động tác quỳ bắn có vật tỳ**

Thứ tự khẩu lệnh, động tác cơ bản giống động tác quỳ bắn không có vật tỳ chỉ khác: Khi giương súng đặt nòng súng ở phần khâu đeo dây dúng lên bệ tỳ, hoặc đặt mu bàn tay trái lên vật tỳ để bắn. Miệng nòng súng phải cao hơn vật tỳ hoặc nhô ra phía trước vật tỳ ít nhất 5 cm. Nếu vật tỳ có độ cao vừa phải, tư thế như quỳ bắn không tỳ, khi tỳ súng lên vật tỳ, tay trái có thể tỳ cả cẳng tay hoặc đặt mu bàn tay lên vật tỳ cho vững chắc. Nếu vật tỳ cao, quỳ hai gối xuống đất, ngực áp sát vào thành vật tỳ, khi bề mặt tỳ rộng thì chống cả hai khuỷu tay lên bề mặt của vật tỳ để bắn cho vững chắc.

Khi bắn ở tư thế quỳ bắn không tỳ súng luôn rung động nên khi giữ súng ổn định thì mạnh dạn từ từ tăng cò kết thúc phát (loạt) bắn, không chờ đến khi súng hết rung động mới kết thúc phát (loạt) bắn.

### 3. Động tác đứng bắn

Trong chiến đấu thường vận dụng ở địa hình có vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm ngực. Trong huấn luyện bắn theo điều kiện giáo trình hoặc khẩu lệnh của người chỉ huy.

Động tác đứng bắn không có vật tỳ

- Động tác chuẩn bị bắn

Khẩu lệnh: “Mục tiêu… đứng chuẩn bị bắn”. Khi nghe dứt khẩu lệnh, người bắn quay người về hướng mục tiêu, tay phải nắm ốp lót tay đưa súng về tư thế xách súng. Nắm tay đặt ngang lưng, nòng súng hướng lên trên về trước hợp với thân người một góc khoảng 45 độ thực hiện 2 cử động.

A collage of soldiers holding guns

Description automatically generated

**Cử động 1:** Chân trái bước lên một bước rộng bằng hoặc hơn vai, bàn chân nằm trên trục hướng bắn, mũi bàn chân chếch sang phải một góc khoảng 30 độ so với trục hướng bắn.

**Cử động 2:** Chân phải dùng mũi bàn chân làm trụ, xoay gót lên sao cho bàn chân hợp với hướng bắn một góc khoảng 90 độ, đồng thời tay phải đưa súng về trước, tay trái ngửa đỡ ốp lót tay (khoảng dưới khung thước ngắm) để báng súng tỳ sát vào sườn bên phải, sức nặng toàn thân rơi đều vào hai chân.

- Chuẩn bị súng, đạn

Như động tác nằm bắn chỉ khác: Đặt đế báng súng tỳ sát vào sườn bên phải,

miệng nòng súng cao ngang ngực.

- Động tác bắn.

Khẩu lệnh: “Bắn”. Tay trái nắm ốp lót tay hoặc hộp tiếp đạn, tay phải nắm tay cầm. Kết hợp hai tay nâng súng lên đặt phần dưới đế báng súng vào hõm vai bên phải, cánh tay trên của tay trái khép lại và tỳ sát vào bắp thịt ngực trái để giữ súng đỡ bị rung, cánh tay phải mở tự nhiên, người có xu hướng hơi ngả về trước để khi bắn không bị ngã ngửa về phía sau. Hai tay giữ súng chắc và ghì súng chắc vào vai. Nhìn qua đường ngắm, nếu thấy súng bị lệch về hướng thì dịch chuyển bàn chân trái qua phải hoặc trái để điều chỉnh cho đúng hướng, không dùng cánh tay để điều chỉnh hướng súng.

- Động tác thôi bắn

Thứ tự khẩu lệnh, động tác thôi bắn như động tác nằm bắn chỉ khác động tác

về tư thế đứng nghiêm thực hiện 2 cử động.

**Cử động 1:** Tay phải đưa lên nắm ốp lót tay, chân trái lấy gót bàn chân làm

trụ, xoay mũi bàn chân sang trái một góc hợp với hướng bắn khoảng 22,5 độ.

**Cử động 2:** Chân phải đưa lên đặt sát gót chân trái, đồng thời tay phải đưa

súng về thành tư thế đứng nghiêm, mang hoặc xách súng.

**Động tác đứng bắn có vật tỳ**

Thứ tự khẩu lệnh, động tác cơ bản giống như động tác đứng bắn không có vật tỳ chỉ khác căn cứ vào vật tỳ để vận dụng động tác đứng bắn cho phù hợp. Trường hợp vật tỳ có độ cao vừa phải thì chân trái ở phía trước, tựa sườn trái vào thành vật tỳ, chân phải duỗi thẳng về sau hoặc thực hiện động tác đứng như đứng bắn không tỳ.

Trường hợp vật tỳ cao, hai chân mở rộng bằng vai, ngực tựa vào thành vật tỳ sao cho bụng và ngực áp sát vào thành vật tỳ.

Khi giương súng, nếu bề mặt vật tỳ hẹp thì chống khuỷu tay trái lên bề mặt vật tỳ, đặt mu bàn tay lên vật tỳ; cánh tay phải mở tự nhiên. Nếu bề mặt vật tỳ có bề rộng thì có thể chống cả hai khuỷu tay lên vật tỳ để bắn cho chắc chắn.

Tư thế đứng bắn không tỳ súng luôn rung động nên khi giữ súng ổn định thì mạnh dạn từ từ tăng cò kết thúc phát bắn (loạt bắn) không chờ đến khi súng hết rung động mới kết thúc loạt bắn, phát bắn.

## III. TẬP NGẮM CHỤM VÀ NGẮM TRÚNG, CHỤM

### **1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu.**

\* Ý nghĩa

- Giúp ng­ười tập biết đư­ợc mức độ chính xác đ­ờng ngắm của mình khi ngắm bắn, biết độ trúng và chụm hoặc điểm ngắm sang phải, sang trái và cao, thấp .. để quá trình tập luyện, rèn luyện sửa chữa...

- Giúp ng­ười chỉ huy biết đư­ợc từng ng­ời mà chỉ đạo giúp đỡ trong quá trình tập luyện.

\* Đặc điểm

- Đây là b­ước tập cơ bản đầu tiên, đòi hỏi ng­ời học phải có tính cụ thể, tỉ mỉ, sự tập trung và độ chính xác cao, dễ gây mệt mỏi.

- Ng­ười tập và ng­ời phục vụ phải phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, nếu không kết quả thu đ­ợc sẽ không chính xác.

\* Yêu cầu

- Nắm chắc các yếu tố về ngắm bắn.

- Rèn luyện tính cụ thể, tỉ mỉ, kiên nhẫn, tích cực, tự giác.

- Nâng cao dần trình độ ngắm bắn đảm bảo độ chính xác và nhanh chóng.

### **2. Cách tiến hành tập ngắm chụm và ngắm trúng, chụm.**

a. Công tác chuẩn bị

    Vật chất phục vụ cho luyện tập: Súng AK, bao cát, giấy trắng, kẹp sắt, bút chì vót nhọn, thước kẻ và thước mm, đồng tiền di động, bẳng ngắm trúng, chụm.

b. Cách tiến hành

\* Ngắm chụm

+ Người phục vụ: cắm bảng đó chuẩn bị, với cự ly 10 m tính từ bệ đặt súng đến bảng ngắm; làm xong ngồi sang phải hoặc trái, quay mặt vào bai bai phục vụ người tập ngắm, tay phải cầm đồng tiền di động thực hiện đặt vào vị trí nhất định trên bảng ngắm chụm.

+ Người tập: làm động tác nằm chẩu bị bắn: Đặt súng trên bệ ở tư thế đó thỏo băng đạn, người ngắm thực hành điều chỉnh súng thẳng hướng bia & ngắm 1 tay chống cằm để đầu đỡ rung động, 1 tay điều chỉnh súng đưa đường ngắm cơ bản và chính giữa vũng đen của đồng tiền ( chú ý không được tỳ súng vào vai và không chỉnh súng để ngắm); khi đó lấy được đường ngắm, người ngắm hô (được), khi lấy đường ngắm xong, người ngắm không động vào súng (hô chấm)

+ Người phục vụ: Giữ đồng tiền ở vị trí, dùng bút chỡ chấm vào chính giữa tâm bia đồng tiền đen, khi xong di đồng tiền ra chỗ khác, cách điểm vừa chấm 2 – 4 cm.

+ Người tập: súng để nguyên không chạm vào súng, hai tay tiếp tục chống vào má cho khỏi rung, tiếp tục ngắm và điều khiển người phục vụ đưa đồng tiền về vị trí ngắm lần đầu; cách điều khiển dùng kí hiệu hoăc lời nói; khi vũng trũn đen của đồng tiền đó đúng điểm ngắm trước; hô (chấm); cứ như vậy ngắm tiếp lần 3.

\* Chú ý: Trong quá trình ngắm không được xê dịch người. Ngắm từ lần thứ hai trở đi, nếu chạm vào súng, người tập phải ngắm lại từ đầu.

+ Người phục vụ: sau mỗi lần đánh dấu (chấm) xong đưa đồng tiền ra khỏi vị trí đánh dấu (chấm) như lần đầu.

Sau khi người tập đó chấm xong 3 lần, người phục vụ dùng bút chỡ khoanh 3 điểm vừa chấm, đánh số lần ngắm, dùng 3 lỗ trên đồng tiền kiểm tra độ chụm của người tập để đánh giá kết quả tập sau:

* Giỏi: 3 điểm được chấm, lọt vào lỗ đường kính 2mm
* Khá: 3 điểm được chấm, lọt vào lỗ đường kính 5m
* Đạt : 3 điểm được chấm, lọt vào lỗ đường kính 10mm

\* Tập ngắm trúng và chụm.

Cách tiến hành luyện tập cơ bản như tập ngắm chụm, chỉ khác: Trước khi người tập vào ngắm, giáo viên hoặc người ngắm giỏi được chỉ định lấy đường ngắm đầu tiên làm chuẩn, ngắm xong thì hô người phục vụ đánh dấu điểm ngắm.

Người phục vụ: Dùng bút chì chấm thẳng góc qua lỗ ở tâm vòng tròn đen của đồng tiền vào bia, dùng thước kẻ kẻ trục dọc và ngang qua tâm điểm ngắm vừa chấm, giao điểm của 2 đường thẳng đó là điểm kiểm tra.

Người tập: Nằm sau súng và không xê dịch vị trí súng, lấy đường ngắm vào điểm kiểm tra và điều khiển người phục vụ di chuyển đồng tiền di động vào đúng điểm kiểm tra, cách điều khiển người phục vụ như khi tập ngắm chụm, ngắm đủ 3 lần thì đổi tập cho người phục vụ.

Người phục vụ: Ngoài việc kiểm tra, đánh giá độ chụm còn đánh giá cả độ trúng so với điểm kiểm tra. Cách đánh giá như sau:

- Xác định độ chụm (như khi tập ngắm chụm)

- Xác định độ trúng

+ Tìm điểm ngắm trung bình của 3 điểm vừa ngắm.

+ So sánh điểm ngắm trung bình với điểm kiểm tra.

·         Giỏi: Cách điểm kiểm tra 5cm trở lại

·         Khá: Cách điểm kiểm tra 10cm trở lại

·         Đạt : Cách điểm kiểm tra 15cm trở lại

Ngắm chụm và trúng cần nâng cao từ dễ đến khó, lúc đầu không hạn chế thời gian, sau khi ngắm được, người hướng dẫn hạn chế thời gian với người tập để rèn cho người tập nhanh và chính xác.

- Cách tính điểm chạm trung bình của 3 điểm chạm vừa ngắm như sau.

- Tìm điểm chạm trung bình: Nối 2 điểm ngần nhất với nhau, được đoạn a, chia đoạn a thành 2 phần bằng nhau, nối điểm giữa đoạn thẳng a với điểm chạm thứ 3 được đoạn thẳng b, chia đoạn thẳng b thành 3 phần bằng nhau, điểm chia đoạn thẳng b gần điểm nối với đoạn thẳng a là điểm chạm trung bình của 3 điểm chạm (ĐCTB)

## IV. TẬP BẮN MỤC TIÊU CỐ ĐỊNH BAN NGÀY BẰNG SÚNG TIỂU LIÊN AK.

### **1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu**

a. Ý nghĩa

Nhằm rèn luyện cho học sinh nắm chắc và thực hiện tốt động tác bắn cơ bản, kĩ năng bắn trúng, chụm vào mục tiêu cố định ban ngày.

b. Đặc điểm

- Là bài bắn cơ bản, đòi hỏi mức độ ngắm bắn chính xác và động tác thuần thục.

- Mục tiêu đư­ợc bố trí cố định, có vòng tính điểm.

- Ng­ười bắn ở t­ thế nằm bắn có bệ tì nên dễ chủ quan, không chú ý đến kỹ thuật ngắm bắn, ảnh hư­ởng tâm lí khi bắn.

c. Yêu cầu

- Tích cực, tự giác tập luyện.

- Thực hiện tốt động tác, nâng cao kỹ năng ngắm bắn.

- Xây dựng tâm lí vững vàng, tự tin.

### **2. Điều kiện bài bắn.**

- Mục tiêu: Bia số 4a màu đen t­ượng trư­ng cho tên địch (rộng 0,4m, cao 0,5m) có vòng tính điểm, đ­ược dán trên khung bia có kích thư­ớc 0,75m x 0,75m.

+ Cự li bắn 100m.

+ Tư­ thế bắn: Nằm bắn có bệ tì.

+ Phương pháp bắn: Phát một.

+ Thời gian bắn: 5 phút.

+ Thành tích:

* Giỏi : Từ 25 đến 30 điểm.
* Khá : Từ 20 đến 24 điểm.
* Trung bình : Từ 15 đến 19 điểm.
* Yếu : D­ưới 15 điểm.

**3. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm.**

- Căn cứ: Khi chọn thước ngắm, điểm ngắm phải đảm bảo sao cho khi bắn đường đạn trung bình trúng giữa hoặc gần giữa mục tiêu. Muốn vậy phải căn cứ vào:

+ Cự li bắn.

+ Tính chất mục tiêu.

+ Độ cao đường đạn trung bình so với đường ngắm ở từng cự ly bắn.

+ Điểm định bắn trúng trên mục tiêu.

+ Điều kiện thời tiết, góc tà.

- Cách chọn: Tùy theo từng điều kiện bắn cụ thể để chọn thước ngắm, điểm ngắm cho phù hợp. Khi chọn thước ngắm có thể chọn thước ngắm tương ứng vói cự ly bắn hoặc chọn thước ngắm lớn hơn cự ly bắn.

Thông thường, khi chọn thước ngắm thường chọn thước ngắm tương ứng với cự ly rồi chọnđiểm ngắm vào chính giữa mục tiêu.

Khi cần chọn điểm ngắm thấp hơn điểm định bắn trúng phải chọn thước ngắm lớn hơn cự ly bắn, sao cho khi bắn độ cao của đường đạn trung bình trên đường ngắm ở cự ly đó bằng hoặc gần bằng chiều cao từ điểm ngắm đến điểm định bắn trúng.

Để dễ ngắm bắn đồng thời vẫn đảm bảo bắn trúng mục tiêu, khi bắn vào các mục tiêu thấp (tên địch nằm bắn, đứng bắn trong công sự) thường chọn thước ngắm lớn hơn cự ly bắn rồi ngắm vào chính giữa mép dưới mục tiêu. Bắn vào các mục tiêu cao to (tên địch đứng, quỳ ngoài công sự) thường chọn thước ngắm tương ứng với cự ly bắn rồi ngắm vào chính giữa mục tiêu.

Khi chọn thước ngắm, điểm ngắm vào mục tiêu bia số 4 theo điều kiện tập nếu:

+ Chọn thước ngắm 1 (độ cao đường đạn so với đường ngắm bằng không) thì phải chọn điểm ngắm ở chính giữa mục tiêu.

+ Chọn thước ngắm 2 (độ cao đường đạn so với đường ngắm là 12cm) thì phải chọn điểm ngắm ở giữa vòng số 8.

+ Chọn thước ngắm 3 (độ cao đường đạn so với đường ngắm là 28cm) thì phải chọn điểm ngắm ở chính giữa mép dưới của mục tiêu.

**4. Cách thực hành tập bắn.**

\* Tổ chức thực hành bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng g tiểu liên AK.

 - Mục đích: Nhằm rèn luyện cho học sinh nắm chắc và thực hiện tốt động tác bắn cơ bản, kĩ năng bắn trúng, chụm vào mục tiêu cố định ban ngày.

- Yêu cầu:

+ Tích cực, tự giác tập luyện.

+ Thực hiện tốt động tác, nâng cao kỹ năng ngắm bắn.

+ Xây dựng tâm lí vững vàng, tự tin.

- Phương pháp:

+ Tại vị trí chờ đợi, người tập nghe thấy chỉ huy goi tên mình thì hô “Có”. Khi có lệnh vào vị trí thì hô “Rõ”, sau đó đi đều vào vị trí tập bắn cách bệ tì khoảng 1,5m thì dừng lại.

Nghe lệnh “Nằm bắn”, người tập làm động tác nằm chuẩn bị bắn, sau đó thực hành ngắm bắn vào mục tiêu. Cứ như vậy, người tập làm động tác ngắm bắn vào mục tiêu 4- 5 phát hoặc đến hết thời gian quy định.

Nghe lệnh “Thôi bắn, tháo đạn, khám súng - Đứng dậy”, người tập làm động tác tháo đạn, khám súng, sau đó làm động tác đứng dậy.

# CÂU HỎI ÔN TẬP BÀI 6:

1. Khi ngắm bắn, yếu tố quan trọng nhất cần tập trung vào là gì?

A. Độ lớn của mục tiêu. B. Đường ngắm đúng.

C. Màu sắc của mục tiêu. D. Ánh sáng xung quanh.

1. Yếu tố nào dưới đây không phải là yếu lĩnh bắn súng?

A. Tư thế bắn. B. Độ ẩm không khí. C. Hơi thở. D. Kéo cò.

1. Tác động chính của nhịp thở đến việc ngắm bắn là gì?

A. Tăng cường sức mạnh của bắn. B. Ổn định súng và tăng độ chính xác.

C. Giảm thiểu độ giật. D. Tăng tốc độ bắn.

1. Trong các yếu lĩnh bắn, tư thế bắn đứng có ưu điểm gì?

A. Ổn định nhất. B. Linh hoạt và thích hợp cho di chuyển.

C. Giảm độ giật tốt nhất. D. Tăng độ chính xác cao nhất.

1. Khi kéo cò súng, điều gì là quan trọng nhất để đảm bảo bắn chính xác?

A. Kéo cò thật nhanh. B. Kéo cò nhẹ nhàng và đều đặn.

C. Kéo cò bằng ngón tay giữa. D. Kéo cò mạnh mẽ.

1. Yếu tố nào dưới đây ảnh hưởng trực tiếp đến đường đạn khi bắn súng?

A. Màu sắc của mục tiêu. B. Gió và độ cao.

C. Ánh sáng môi trường. D. Tiếng ồn xung quanh.

1. Trong quá trình ngắm bắn, mắt cần phải tập trung vào điểm nào?

A. Thân súng. B. Mục tiêu và điểm ngắm. C. Tay cầm súng. D. Chân đế súng.

1. Tư thế bắn nào giúp giảm thiểu độ giật của súng tốt nhất?

A. Tư thế đứng. B. Tư thế nằm. C. Tư thế quỳ. D. Tư thế ngồi.

1. Khi bắn, tại sao việc giữ hơi thở trước khi bóp cò là quan trọng?

A. Giúp nhìn rõ mục tiêu hơn. B. Giữ súng ổn định, giảm dao động.

C. Tăng sức mạnh của bắn. D. Tăng tốc độ bắn.

1. Điều chỉnh tầm ngắm và điểm ngắm nhằm mục đích gì?

A. Để súng trông đẹp hơn. B. Để đảm bảo đạn bắn trúng mục tiêu.

C. Để giảm tiếng ồn khi bắn. D. Để tăng tốc độ bắn.

1. Yếu tố nào ảnh hưởng lớn nhất đến độ chính xác khi bắn?

A. Loại đạn sử dụng. B. Tư thế bắn và kỹ thuật ngắm bắn.

C. Màu sắc của mục tiêu. D. Nhiệt độ môi trường.

1. Kỹ thuật nào giúp ổn định súng trong quá trình bắn?

A. Kéo cò mạnh mẽ. B. Giữ súng chắc chắn bằng cả hai tay.

C. Nhắm mắt khi bắn. D. Thở nhanh và sâu.

1. Trong bắn súng, yếu tố nào quyết định sự ổn định của súng?

A. Độ dài của nòng súng. B. Tư thế và cách cầm súng.

C. Loại đạn sử dụng. D. Trọng lượng của súng.

1. Yếu tố nào giúp giảm thiểu ảnh hưởng của gió đến đường đạn?

A. Tốc độ bắn nhanh. B. Điều chỉnh tầm ngắm và điểm ngắm.

C. Sử dụng đạn nặng hơn. D. Giảm khoảng cách bắn.

1. Tại sao việc giữ hơi thở đúng cách lại quan trọng khi bắn súng?

A. Giúp tăng tốc độ bắn. B. Giúp ổn định súng và tăng độ chính xác.

C. Giảm độ giật của súng. D. Tăng sức mạnh của viên đạn.

1. Trong quá trình ngắm bắn, yếu tố nào sau đây cần được ưu tiên?

A. Thời gian bắn nhanh. B. Sự ổn định và chính xác.

C. Sử dụng loại đạn đắt tiền. D. Thay đổi tư thế liên tục.

1. Khi bắn súng, tư thế nào giúp giữ vững và ổn định nhất?

A. Tư thế đứng. B. Tư thế nằm. C. Tư thế quỳ. D. Tư thế ngồi.

1. Yếu tố nào ảnh hưởng đến khả năng tập trung khi ngắm bắn?

A. Màu sắc của mục tiêu. B. Ánh sáng và môi trường xung quanh.

C. Độ dài của súng. D. Loại đạn sử dụng.

1. Trong bắn súng, tại sao việc duy trì tư thế đúng là rất quan trọng?

A. Để tránh mỏi tay. B. Để đảm bảo độ chính xác và ổn định.

C. Để tăng tốc độ bắn. D. Để trông đẹp mắt hơn.

1. Kỹ thuật kéo cò súng nên được thực hiện như thế nào để đạt độ chính xác cao?

A. Kéo cò mạnh mẽ. B. Kéo cò nhẹ nhàng và đều đặn.

C. Kéo cò bằng ngón tay giữa. D. Kéo cò thật nhanh.

1. Khái niệm "ngắm bắn" trong bắn súng là gì?

A. Tập trung vào cò súng. B. Quá trình căn chỉnh súng để mục tiêu nằm trong tầm ngắm.

C. Nhắm mắt khi bắn. D. Đặt ngón tay trên cò súng.

1. "Đường ngắm đúng" trong bắn súng là gì?

A. Đường thẳng từ mắt đến mục tiêu. B. Đường thẳng từ mắt qua thước ngắm đến mục tiêu.

C. Đường từ tay cầm súng đến mục tiêu. D. Đường từ cò súng đến mục tiêu.

1. "Điểm ngắm đúng" trong bắn súng là gì?

A. Điểm trên thân súng. B. Điểm trên mục tiêu mà xạ thủ căn chỉnh để bắn trúng.

C. Điểm trên thước ngắm. D. Điểm trên tay cầm súng.

1. Yếu tố nào quan trọng nhất khi xác định đường ngắm đúng?

A. Chiều dài của nòng súng. B. Sự thẳng hàng giữa mắt, thước ngắm và mục tiêu.

C. Trọng lượng của súng. D. Loại đạn sử dụng.

1. Khi ngắm bắn, tác động của gió ảnh hưởng như thế nào đến đường đạn?

A. Làm cho đạn bay xa hơn. B. Làm lệch đường đạn khỏi mục tiêu.

C. Làm đạn bay nhanh hơn. D. Làm giảm sức mạnh của đạn.

1. Để giảm thiểu ảnh hưởng của gió khi bắn, xạ thủ cần làm gì?

A. Sử dụng đạn nhẹ hơn. B. Điều chỉnh điểm ngắm và tầm ngắm theo hướng gió.

C. Kéo cò mạnh hơn. D. Đứng gần mục tiêu hơn.

1. Điều gì cần lưu ý khi ngắm bắn trong điều kiện gió mạnh?

A. Sử dụng súng có nòng dài hơn. B. Xác định hướng và tốc độ gió để điều chỉnh ngắm bắn.

C. Tăng cường tốc độ bắn. D. Sử dụng đạn nặng hơn.

1. Khái niệm "điểm ngắm" là gì trong bắn súng?

A. Điểm trên thân súng mà xạ thủ đặt ngón tay.

B. Điểm trên mục tiêu mà xạ thủ căn chỉnh để bắn trúng.

C. Điểm trên thước ngắm mà xạ thủ nhìn qua.

D. Điểm trên báng súng mà xạ thủ đặt vai.

1. Yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp đến việc chọn điểm ngắm đúng?

A. Loại súng sử dụng. B. Khoảng cách từ xạ thủ đến mục tiêu.

C. Màu sắc của mục tiêu. D. Trọng lượng của súng.

1. Khi ngắm bắn, tại sao việc giữ thăng bằng súng lại quan trọng?

A. Để súng trông đẹp hơn. B. Để giữ đường ngắm và điểm ngắm ổn định.

C. Để tăng tốc độ bắn. D. Để giảm độ giật của súng.

1. Khi ngắm sai điểm ngắm, điều gì sẽ xảy ra với đường đạn?

A. Đạn sẽ bay nhanh hơn. B. Đạn sẽ lệch khỏi mục tiêu.

C. Đạn sẽ bay xa hơn. D. Đạn sẽ giảm độ chính xác.

1. Ảnh hưởng lớn nhất của việc ngắm sai điểm ngắm là gì?

A. Tăng cường độ giật của súng. B. Làm giảm độ chính xác của phát bắn.

C. Tăng sức mạnh của đạn. D. Giảm âm thanh phát ra khi bắn.

1. Nếu ngắm sai điểm ngắm trong khi bắn ở khoảng cách xa, điều gì có thể xảy ra?

A. Đạn sẽ bay nhanh hơn. B. Đạn sẽ lệch khỏi mục tiêu nhiều hơn.

C. Đạn sẽ không ra khỏi nòng súng. D. Đạn sẽ bay thẳng hơn.

1. Tại sao việc ngắm sai điểm ngắm lại đặc biệt nguy hiểm trong môi trường chiến đấu?

A. Làm cho súng bị hỏng nhanh hơn. B. Gây nguy hiểm cho đồng đội và không bắn trúng kẻ thù.

C. Tăng lượng đạn tiêu thụ. D. Làm giảm tốc độ di chuyển của xạ thủ.

1. Khái niệm "ngắm chụm" trong bắn súng là gì?

A. Ngắm một cách nhanh chóng. B. Ngắm để các viên đạn bắn ra đều tập trung vào một điểm.

C. Ngắm vào các mục tiêu khác nhau. D. Ngắm từ khoảng cách xa.

1. Mục đích chính của việc ngắm chụm là gì?

A. Để giảm độ giật của súng. B. Để đạt độ chính xác cao nhất tại một điểm cụ thể.

C. Để bắn nhanh hơn. D. Để tiết kiệm đạn.

1. Khi ngắm chụm, yếu tố nào là quan trọng nhất để đạt hiệu quả?

A. Kích thước của mục tiêu. B. Sự ổn định của súng và tay cầm.

C. Loại đạn sử dụng. D. Tốc độ bắn.

1. Ngắm chụm thường được sử dụng trong tình huống nào?

A. Khi cần bắn vào nhiều mục tiêu. B. Khi cần bắn chính xác vào một điểm duy nhất.

C. Khi bắn ở khoảng cách gần. D. Khi bắn từ trên cao.

1. Kỹ thuật nào dưới đây giúp cải thiện độ chụm khi bắn?

A. Bắn nhanh hơn. B. Giữ thở đều đặn và ổn định.

C. Sử dụng đạn nặng hơn. D. Đứng gần mục tiêu hơn.

1. Khi ngắm chụm, tại sao việc giữ đúng tư thế bắn lại quan trọng?

A. Để nhìn rõ mục tiêu hơn. B. Để duy trì độ ổn định và chính xác.

C. Để giảm độ giật của súng. D. Để tăng sức mạnh của đạn.

1. Ảnh hưởng của việc ngắm chụm không đúng là gì?

A. Tăng tốc độ bắn. B. Làm cho đạn bắn ra không tập trung vào một điểm.

C. Giảm tiếng ồn khi bắn. D. Tăng lượng đạn tiêu thụ.

1. Yếu tố nào giúp tăng độ chụm khi bắn?

A. Bắn từ khoảng cách xa hơn. B. Giữ hơi thở và kiểm soát tốt tay cầm.

C. Sử dụng súng nặng hơn. D. Thay đổi liên tục tư thế bắn.

1. Ngắm chụm có thể bị ảnh hưởng bởi yếu tố nào?

A. Màu sắc của mục tiêu. B. Gió và thời tiết.

C. Loại súng sử dụng. D. Âm thanh xung quanh.

1. Trong bắn súng thể thao, tại sao ngắm chụm lại quan trọng?

A. Để tăng sức mạnh của viên đạn. B. Để đạt điểm số cao hơn và thể hiện kỹ thuật tốt.

C. Để tiết kiệm thời gian bắn. D. Để giảm độ giật của súng.

1. Mục đích chính của việc tổ chức tập bắn mục tiêu cố định ban ngày là gì?

A. Thực hiện các động tác bắn nhanh. B. Rèn luyện kỹ năng bắn cơ bản và ngắm bắn.

C. Phát triển khả năng di chuyển linh hoạt. D. Tăng cường sức mạnh cơ bắp.

1. Mục tiêu bia của bài bắn trong tập luyện có kích thước như thế nào?

A. Rộng 1m, cao 0,5m. B. Rộng 0,4m, cao 0,5m.

C. Rộng 0,75m, cao 0,75m. D. Rộng 0,5m, cao 0,75m.

1. Thời gian cho mỗi lượt bắn trong tập luyện là bao lâu?

A. 10 phút. B. 5 phút. C. 15 phút. D. 20 phút.

1. Thứ tự các bước khi nhận lệnh "Nằm bắn" trong quá trình tập luyện là gì?

A. Đứng dậy, chuẩn bị bắn, nằm xuống. B. Chuẩn bị bắn, nằm xuống, thực hiện ngắm bắn.

C. Tháo đạn, nằm xuống, chuẩn bị bắn. D. Nằm xuống, chuẩn bị bắn, đứng dậy.

1. Khi chọn thước ngắm và điểm ngắm, người tập cần căn cứ vào những yếu tố nào?

A. Cự li bắn và chiều cao của mục tiêu.

B. Cự li bắn, tính chất mục tiêu và điều kiện thời tiết.

C. Tốc độ gió và loại đạn sử dụng.

D. Ánh sáng và môi trường xung quanh.

1. Khi chọn thước ngắm và điểm ngắm, nếu muốn bắn vào mục tiêu thấp, người tập nên làm gì?

A. Chọn thước ngắm nhỏ hơn cự li bắn. B. Chọn thước ngắm lớn hơn cự li bắn.

C. Chọn điểm ngắm ở trung tâm mục tiêu. D. Không cần điều chỉnh gì thêm.

1. Thước ngắm nào phù hợp nếu muốn chọn điểm ngắm ở giữa vòng số 8 của mục tiêu?

A. Thước ngắm 1. B. Thước ngắm 2.

C. Thước ngắm 3. D. Không thể xác định từ thông tin đã cho.

1. Để chọn điểm ngắm ở giữa mép dưới của mục tiêu, thước ngắm nào là lựa chọn phù hợp?

A. Thước ngắm 1. B. Thước ngắm 3.

C. Thước ngắm 2. D. Thước ngắm tương ứng với cự li bắn.

1. Thước ngắm nào được ưu tiên khi bắn vào mục tiêu cao to nhưng chọn điểm ngắm ở chính giữa mục tiêu?

A. Thước ngắm 2. B. Thước ngắm tương ứng với cự li bắn.

C. Thước ngắm 3. D. Thước ngắm 1.

1. Điểm nào sau đây không phải là yêu cầu khi thực hiện tập bắn mục tiêu cố định ban ngày?

A. Tích cực, tự giác tập luyện. B. Thực hiện các động tác bắn nhanh chóng.

C. Xây dựng tâm lí vững vàng, tự tin. D. Thực hiện tốt động tác, nâng cao kỹ năng ngắm bắn.

1. Ý nghĩa chính của việc tập ngắm chụm và ngắm trúng, chụm là gì?

A. Tăng cường sức mạnh cơ bắp. B. Giúp người tập biết được mức độ chính xác của đường ngắm và đánh giá kết quả tập luyện.

C. Phát triển khả năng di chuyển linh hoạt. D. Nâng cao kỹ năng sử dụng vũ khí.

1. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của việc tập ngắm chụm và ngắm trúng, chụm?

A. Đòi hỏi sự tỉ mỉ và tập trung cao. B. Không cần sự phối hợp giữa người tập và người phục vụ.

C. Đây là bước tập cơ bản đầu tiên. D. Dễ gây mệt mỏi cho người tập.

1. Công tác chuẩn bị cho việc tập ngắm chụm và ngắm trúng, chụm bao gồm những gì?

A. Súng AK và mục tiêu bắn. B. Súng AK, bao cát, giấy trắng, kẹp sắt, bút chì, thước kẻ và đồng tiền di động.

C. Bia số 4 và bảng điểm. D. Đèn pin và túi đựng đạn.

1. Trong quá trình ngắm chụm, người tập thực hiện động tác gì để chuẩn bị bắn?

A. Đứng thẳng và cầm súng ở vị trí đặc định.

B. Đặt súng trên bệ, thực hiện ngắm và chỉnh sửa đường ngắm.

C. Nằm sẵn và chờ lệnh bắn.

D. Đứng cách xa mục tiêu và đánh vẽ.

1. Trong quá trình ngắm chụm, người phục vụ thực hiện động tác gì?

A. Nằm sẵn để bắn mục tiêu. B. Giữ đồng tiền ở vị trí và chấm vào điểm chính giữa mục tiêu.

C. Cầm súng và điều chỉnh đường ngắm. D. Xem kết quả và ghi lại điểm số.

1. Khi nào người tập được phép chạm vào súng trong quá trình ngắm chụm?

A. Sau khi đã hoàn thành 3 lần ngắm. B. Khi cần điều chỉnh lại đường ngắm.

C. Không được chạm vào súng. D. Sau khi nhận lệnh từ người phục vụ.

1. Trong quá trình ngắm trúng và chụm, điểm kiểm tra được xác định bằng cách nào?

A. Dùng thước kẻ để đánh dấu trên mục tiêu.

B. Dùng bút chì chấm thẳng góc qua lỗ trên mục tiêu.

C. Dùng cảm ứng điện tử để ghi lại.

D. Đo bằng mắt thường.

1. Để được đánh giá là "Giỏi" trong việc tập ngắm trúng và chụm, điểm chạm trung bình của 3 lần ngắm phải nằm trong khoảng bao nhiêu?

A. Cách điểm kiểm tra 15cm trở lại. B. Cách điểm kiểm tra 5cm trở lại.

C. Cách điểm kiểm tra 10cm trở lại. D. Cách điểm kiểm tra 20cm trở lại.

1. Trong quá trình tập ngắm trúng và chụm, điểm nào sau đây được xác định để kiểm tra độ trúng của người tập?

A. Điểm ngắm trung bình của 3 lần ngắm.

B. Số lần ngắm đã hoàn thành.

C. Kích thước lỗ trên mục tiêu.

D. Tổng số điểm đã chấm.

1. Cách tính điểm chạm trung bình của 3 lần ngắm trong quá trình tập ngắm chụm là gì?

A. Lấy trung bình cộng của 3 điểm chạm.

B. Nối 2 điểm gần nhất, chia thành 3 phần bằng nhau và lấy điểm chia giữa làm điểm chạm trung bình.

C. Chia tổng điểm chạm cho số lần ngắm.

D. Chọn điểm chạm xa nhất và gần nhất, lấy trung bình cộng.

1. Người phục vụ trong quá trình tập ngắm chụm và ngắm trúng làm gì khi người tập đã hoàn thành 3 lần ngắm?

A. Đổi súng cho người tập. B. Dùng bút chì chấm thẳng góc qua lỗ ở tâm vòng tròn đen của đồng tiền.

C. Đánh dấu lên bảng điểm. D. Rời khỏi vị trí phục vụ.

1. Trong quá trình tập ngắm chụm và ngắm trúng, việc ngắm đến khi lấy được đường ngắm được thực hiện bằng cách nào?

A. Sử dụng kí hiệu bằng tay. B. Sử dụng loa để hô.

C. Sử dụng từ ngữ "được". D. Sử dụng ánh mắt để liên lạc.

1. Mục đích chính của việc đánh dấu điểm ngắm trong quá trình tập ngắm là gì?

A. Xem xét vị trí ngắm. B. Làm đẹp cho mục tiêu bắn.

C. Đánh giá kết quả tập luyện và độ chính xác của người tập. D. Làm dễ dàng cho việc thay đổi vị trí bắn.

1. Trong quá trình tập ngắm, việc nâng cao độ chính xác và nhanh chóng được thực hiện như thế nào?

A. Bắt đầu từ dễ đến khó và hạn chế thời gian khi đã thành thạo.

B. Tăng cường thời gian tập luyện mỗi ngày.

C. Tập trung vào việc điều chỉnh súng.

D. Sử dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến.

1. Trong quá trình ngắm chụm, sau mỗi lần đánh dấu xong, người phục vụ làm gì tiếp theo?

A. Ghi lại điểm số. B. Chụp ảnh mục tiêu.

C. Di chuyển đồng tiền ra khỏi vị trí đánh dấu như lần đầu. D. Kiểm tra lại vị trí của mục tiêu.

1. Để trở thành mục tiêu "Giỏi" trong việc ngắm chụm và ngắm trúng, điểm chạm trung bình của 3 lần ngắm cần phải nằm trong khoảng bao nhiêu?

A. 10mm trở lại. B. 2mm trở lại.

C. 20mm trở lại. D. 15mm trở lại.

1. Trong quá trình tập ngắm chụm, người tập phải làm gì nếu chạm vào súng từ lần thứ hai trở đi?

A. Ngừng tập luyện và rời khỏi vị trí. B. Phải ngắm lại từ đầu.

C. Tiếp tục tập luyện bình thường. D. Thực hiện các động tác bắn ngẫu nhiên.

1. Điều gì được sử dụng để đánh giá độ trúng của người tập trong quá trình tập ngắm chụm và ngắm trúng?

A. Số lần ngắm đã hoàn thành. B. So sánh điểm ngắm trung bình với điểm kiểm tra.

C. Kích thước của mục tiêu. D. Số điểm đã chấm trên mục tiêu.

1. Trong quá trình tập ngắm, việc nâng cao trình độ ngắm bắn được thực hiện như thế nào?

A. Tăng cường thời gian tập luyện hàng ngày.

B. Sử dụng súng và vật liệu chất lượng cao hơn.

C. Nâng cao từ dễ đến khó và hạn chế thời gian khi đã thành thạo.

D. Tập trung vào việc điều chỉnh súng mỗi lần.

1. Trong quá trình tập ngắm chụm và ngắm trúng, người phục vụ có nhiệm vụ gì khi người tập đã lấy được đường ngắm cơ bản và chính xác?

A. Đánh dấu điểm ngắm trên mục tiêu. B. Thực hiện đánh giá kết quả của người tập.

C. Thay đổi vị trí của mục tiêu. D. Tập trung vào việc điều chỉnh súng cho người tập